

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-gáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ bút Phan-chung-Thứ
Trợ chủ bút Bằng-ở
Phó chủ bút Dương-vân-Hiệp
Trợ chủ bút Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÚNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
TRUNG ƯƠNG

Bà đốc Nguyễn quang Ánh Hàng Đường	20\$00
Mme Trần văn Chương 71 Bd Gambetta	20.00
Mme Phúc Long 8 Monseigneur Deydier	5 00
Cụ Huyện Hà Ấp Thái Hà	20 00
Cụ Nguyễn văn Vĩnh	40 00
Mme Nguyễn thị Ba N° 19 Voie 96	3 00
Cụ Phan Vỹ née Đinh thị Khang 16 Rd Carreau	10 00
Bà Đốc Thìn Rue Blockhaus nord	3.00
Cụ Trần thị Trường 51 Hàng Đường	10.00
Bà Phan Nguyễn xuân Hải phố Quan thành	2 00
Bà Nguyễn khắc Kiện née Nguyễn thị Yên Haiphong	3.10
Bà Lê thị Phú 85 Phố hàng Lược	2.00
Cụ Nguyễn thị Trân 19 Phố hàng Đường	5 00
Bà Năm Phố hàng Đường	2 00
M. Vũ văn Khiếu Village Đông trang Ninh bình	1.00
M. Nguyễn đình Chính 133 Rue Chanceaulme.	1.00
M. Lê ngọc Diễm 40 Impasse Jacquin.	1.00
Mme Cung thị Phiêu, tức Chánh-tý 52 Hàng bạc	100.00
Mme Trần thị Lục hiệu diệu-liên 55 Hàng bồ	40.00
Mme Nguyễn thị Tôn 18 Hàng trống.	10.00
Mme Đào thị Mùi biểu Phúc-lợi 18 Radeaux.	100.00
M. Nguyễn trọng Thuật hiệu Đồ-nam-tử, xã Man nhuế, Phủ Nam-sách Haiduong	45.00
M. Nguyễn trung Kính dit Đức thái 35 phố Phúc kiến Hanoi	30.00
Mme Nguyễn thị Lan 11 Ancien Canal Hanoi	3.00
M. Nguyễn văn Hồ xã Văn giang Phủ Mỹ đức Hadong	1.00

(còn nữa)

*Nhà Phật-học nước Mỹ nói
về đạo Phật Trung-quốc*

(tiếp theo)

VI - DỊCH KINH LÀM CHÙA NGÀY CÀNG THỊNH

Đạo Phật từ khi có hai thời kỳ truyền bá ở đất Lạc-dương, bắt đầu dịch kinh rồi công việc phiên dịch làm đến đặng đặng hơn 400 năm, đáng gọi là cái thời kỳ nguyên thủy của Phật-giáo nước Tàu. Thời kỳ ấy các vị cao tăng ở xa đến lữ lượt, siêng năng cặm cụi để dạy dỗ cho giáo đồ nước Tàu mà gây dựng lấy cái tâm lý về Phật giáo, các ông cao tăng kia kẻ cũng khổ tâm nhiều lắm.

Song về đời nhà Hán bấy giờ đang sùng chuộng đạo Nho nên cũng có ngăn trở đôi chút. Về sau có ông Mâu tử 牟子 ở hèn Nho theo sang hèn Thích, ông có làm ra sách « Lý-hoặc-Luận 理惑論 ». Ông đem cái biện tài nhanh nhẹn với cái trí thức hiểu thông cả Tam-giáo ra để hết sức bênh vực cho Đạo Phật. Ông nói: Nhà Đạo gia cầu cuộc trảng sinh mơ hồ thì không bằng nghĩa vô-sinh của đạo Phật. Luận lý nhà Nho chỉ tu về đời hiện thế thì cũng không có thể đủ giải thoát được. Chỉ có Phật pháp là vừa ứng hóa thế gian mà vừa có cái nghĩa giải-thoát ra ngoài thế gian, thế mới thỏa mãn được lòng nguyện vọng của người đời. Nói tóm lại, đạo Phật tuy là một đạo nhiệm-mầu, nghiêm ngặt, nhưng không phải là đạo trái với nghĩa lý. Điều đó là điều quyết đoán được.

Sự truyền bá đạo Phật hồi ấy về sau có phái chuyên ra lối tin thần dị như lối của Đạo-gia về đời sau vẫn làm. Tức như ông Phật đồ chùng (Budhasinga) vậy. Đồ đệ của ông Phật đồ chùng nhiều lắm, họ dựng được đến gần 900 gian chùa thờ Phật. Có ông Đạo an trong phái đồ đệ ấy là một nhà giỏi nhất trong Phật giáo về đời Tây lịch bốn thế kỷ (Tức là thời Tây-Tấn).

VII - KINH PHÁP-HOÀ VÀ KINH VU LAN-BỒN

Vào khoảng Tây-lịch năm 266 đến năm 313 (tức là năm Thái-thủy 20 đời Tấn Vũ-đế đến năm Kiến-hưng nguyên-niên Mãn-đế), có ông Chửc-pháp-hộ tức là ông Đàm-ma-la-sát (Dharmarakṣa) từ nước Đôn-hoàng vào thành Lạc-dương, phiên dịch ra được nhiều kinh sách Phật làm chủ danh nhất là bộ kinh Chính Pháp hoa 正法華經 (Saddharma Pundarika Sutra. Đến đời nhà Diêu tần 姚秦, ông Cưu-ma-la-thập lại dịch lại bộ kinh này mà gọi là Diêu pháp liên-hoa, người đời bên theo cả về bộ kinh dịch sau này), và bộ kinh Vu-lan-bồn (Ullambana Sutra) cùng giúp một phần lớn vào việc truyền bá đạo Phật ở Tàu.

Kinh Pháp-hoa nói về đức Thích-ca hiển-hiện phép thần thông, tùy cơ đem phép phương tiện mà dạy bảo để cảm-hóa cho khắp chúng-sinh. Thực là một kinh phúc-âm yên-ủi lòng người nước Tàu. Kinh Vu-lan-bồn thì dạy người ta về cách thờ đấng Vu-lan-bồn tụng kinh cúng Phật để báo đền cái ơn của cha mẹ đời quá khứ nuôi nấng cù lao. Thực là vừa hợp với cái tâm lý thờ cúng tổ tiên của người Tàu. Kinh Vu-lan-bồn này có một vị trí lớn trong đạo Phật. Nhờ có kinh này mà nhà Nho cho rằng Phật-giáo coi khinh biểu đạo. Và có thể giá lời ngay rằng: "Đạo hiếu của Phật-giáo chúng tôi thực là hết lòng cả với sau khi cha mẹ đã chết rồi". Đến nay ở Tàu hằng năm người ta vẫn còn giữ theo xưa, chi tiêu về khoản đàn tràng ấy nhiều lắm. Mỗi khi mở hội Vu-lan, trong những nơi chùa to cảnh lớn, trên thì chư-tăng tụng kinh đọc kệ, dưới thì thiện tín lễ bái tấp nập xem rất hay.

Còn về phái Mật-tông và các phái khác, cũng có bày đàn cúng Chư Thiên là những vị giám hộ cho linh hồn, vị nào chức ấy. Mỗi năm có kỳ làm đàn siêu độ cho vong

liên, đến kỳ ấy người ta làm lễ cầu trọng lâm. Như lễ Phạm-tế 梵祭 ở Nhật-bản mà những khách Tây-phương sang du lịch thường thấy. Đó là ở những nước theo Phật-giáo người ta đem cái thuyết linh-hồn vốn có từ trước khi theo Phật-giáo mà pha lẫn vào trong nghi-lý Phật-giáo đã thành lệ quen như thế rồi.

Kinh Vu lan bốn nói rằng : « — Đức Đại mục kiên-liên (Macha-mogganana) mới được phép lục thông, Người muốn cứu-độ cho cha mẹ đề giả cái ơn bù mớm, Người liền lấy đạo nhơn xem xét cõi thế gian thì thấy bà vong mẫu của Người bị sinh vào trong đạo Ngã-quỉ. Miếng ăn chưa kịp vào miệng đã hóa thành hòn than hồng, còn nhiều sự khổ như thế. Người liền bạch với Phật, Phật dạy : « Tội căn của mẹ ông nặng lắm, phải nhờ đến sức uy thần của thập-phương tăng-chúng mới giải thoát được. Nay ta phải dạy cho ông biết phép để mà cứu độ. Đến ngày rằm tháng 7 là ngày « tự tử » của thập phương tăng-chúng, ông phải xira xoan cơm canh, hoa quả, các đồ ăn, một cái mâm bồng, rau thơm, nền sáp, đường giải chiếu sạch, bày mọi thứ đồ ăn rất ngon lành vào trong cái mâm bồng ấy mà cúng dâng các đại đức tăng chúng. Như thế là phúc đức dày rầy. Nếu cha mẹ còn sống thì hưởng phúc đến trăm tuổi. Mà đến cha mẹ từ bây giờ trước cũng đều được sinh lên cõi Thiên ».

Đó là lời giáo-huấn của Phật giáo hồi ban đầu, kể làm con nếu làm lễ siêu độ cho cha mẹ được như thế thực thì còn việc gì cứ thương xót suông nữa làm chi.

VIII. — KINH HOA NGHIÊM

Những kinh sách phái Tịnh-độ và hai bộ kinh Pháp-hoa, Vu-lan bốn là tuyên dương về đạo Đại-thặng, tuy có được quần-chúng tín-ngưỡng, nhưng vẫn chưa làm rõ rệt được giáo-lý đạo Phật cho lắm. Bây giờ có một bộ kinh Hoa nghiêm 華嚴 (Avatamsaka Sutra) đó. Bộ kinh này về hồi Tây-lịch thế kỷ thứ 2 (đời Hán Hòa-đế đến Hiên-đế) đã lưu hành ở đời. Trong những sách của ông

Long-thụ (Nagarjuna) làm ra, dẫu có cường dẫn đến kinh này nhiều. Những giáo lý thâm túy trong các sách của Long thụ sở đặc ở kinh này không phải ít. Đến Tây-lịch thế kỷ thứ 4 (đời Tấn Huệ-đế đến Ấn-đế), ông Phật-đa-bạt-da-la (Buddhabhadra) mới dịch ra chữ Nho (đó là bộ Hoa-nghiêm dịch ở đời nhà Tấn chỉ có 34 phẩm, giáo-nghiã chưa đủ. Đến đời nhà Đường, ông Thực-xoa-nan-đa mới dịch lại toàn bộ 39 phẩm và lưu hành đến nay).

Kinh này chép rất nhiều những bài kệ tụng tán Đức Phật Thích ca. Khi Phật mới thành chính-giác Ngài ở trong bồ-đề-trang dùng thần lực của Phật làm cho nơi đạo tràng ấy trang nghiêm ra. Những hoa báu và ngọc ma ni đều phóng ra tia sáng. Bấy giờ Thế-tôn lên tòa sư tử. Những sắc tướng vô cùng viên mãn quang minh của Ngài chiếu khắp ra, nơi nơi trong cõi pháp-giới, một các linh-dãng không phân biệt gì. Ngài diễn thuyết hết thầy mọi phép như từng đám mây to kéo lên, ở đâu mỗi một cái lông đều dong được hết thầy mọi cõi thế-giới mà không hề trở ngại. Đâu đấy đều hiện ra sức thần-thông vô lượng để giáo hóa và điều phục hết thầy mọi loài chúng-sinh. Thân Ngài tới khắp mười phương mà không hề phải đi về ; trí Ngài soi mọi sắc tướng mà thấu hết mọi pháp đều là không tịch. Có các Bồ-tát các Tráp-kim-cương thần và các Thiên thần, các Thiên-vương khác, nhiều đến như cái số những vi trần ở mười phương thế-giới Phật, cùng vây quanh Phật. Cùng nhờ uy lực của Phật biết được phép giải thoát. Cùng đọc lời tụng ngợi khen rằng thân Phật đầy rẫy cả cõi pháp-giới, không hề cùng tận. Phật vốn tịch diệt không có tính, không thể thấy được. Chỉ vì cứu độ cho thế-gian mà Phật thị hiện ra đời. Ngài lấy ngọn đèn diệu-pháp mà soi sáng cho đời. Công đức của Như-lai không thể nghĩ ngợi được. Chúng sinh được trông thấy Phật là liền tiêu diệt hết phiền-não. Thân vô tướng của Phật tới khắp đâu đâu mà không hề đi lại. Như đã trông thấy Ngài trên

tòa sư-tử trong hội này, mỗi một thế-giới trong cái số vi trần kia cũng đều trông thấy như vậy.

Bấy giờ các Bồ tát và hết thảy các thế gian chủ ra đọc lời tụng Phật đề hồi pháp. Phật liền phóng tia sáng ở khe răng ra, chiếu suốt cái bề thế giới mười phương 十方世界海, đọc lời tụng mà hội họp quần chúng lại. Phật lại phóng tia sáng ở chỗ giữa hai lông mi ra làm cho mười phương tỏ rõ. Phổ hiền (Samantabhadra) Bồ tát tức thì vào ngồi quán phép « tam muội Samadhi » ngay trước mặt Phật. Thế Chư Phật mười phương liền hiện ra trước nơi đó mà than khen và soa đầu ban trí tuệ. Phổ hiền Bồ tát ở trong chỗ đang ngồi quán phép « tam muội » đứng dậy, nói ra những danh biện các thế giới và chư Phật ở trong cái bề hoa tạng thế giới 華嚴世界海. Bồ tát lại nói về bản hạnh của Tỳ-lưu-già-la (Vairochana) Như lai bởi những nhân duyên tu hành từ khoáng kiếp.

Đó là hội cuộc lần thứ nhất trong kinh Hoa nghiêm. Toàn bộ kinh có 8 cuộc hội (Bộ kinh dịch ở đời Tấn thì có 7 xứ 8 cuộc hội và bộ kinh dịch ở đời Đường thì có 7 xứ 9 cuộc hội) Từ cuộc hội lần thứ hai trở đi, tuy gần về những pháp môn thập tín 十信, thập trụ 十住, thập hạnh 十行, thập hồi hướng 十迴向, thập địa 十地, đẳng giác 等覺, diệu giác 妙覺. Đức Như lai lần lượt phóng ra những ánh quang minh, mười phương đọc kệ tụng tán. Các Đại Bồ tát cũng nhờ thần lực của Phật cùng vào ngồi quán mọi phép tam muội.

Trong kinh này nói :

Hết thảy Chư-Phật đều có thể làm cho những cõi ở trong một mấy vi trần hiện rõ lên bằng với cái số những vi trần ở hết thảy các thế giới và đầy đủ mọi thứ trang nghiêm thượng diệu. Các Ngài hồng chiếu pháp luân màu nhiệm ở trong các cõi ấy để giáo hóa cho chúng sinh. Thế mà mấy vi trần vẫn không lớn ra, cõi thế giới vẫn không nhỏ lại.

Nhờ đó, chúng ta nhận thấy chỗ viên dung vô ngại của cõi pháp giới. Hết thấy mọi cái lọt vào một cái một cái lọt vào hết thấy cái. Một cái với nhiều cái trứa lẫn nhau, muôn vạn giống đều hợp nhau. Có chủ có bạn, cái này cái kia, đều sẵn đủ, đều dung nhau. Trong mỗi mỗi mây bụi đều hiện ra từng cõi thế giới trùng trùng vô tận như cái lưới Nhân đà la (Indra) để 帝 (vua). Đức Phật ở thế giới này tên là **Thích-ca mâu-ni**. Hoặc là **Tối-thắng**, hoặc là **Đạo sư**, và nhiều thứ danh hiệu khác nữa. Còn Đức Phật ở thế giới khác thì gọi tên là **Vô-thượng-tôn**, hoặc gọi là **Tri-đạo** 知道, hoặc gọi là **Thế-giải-thoát** 世解脫, hoặc gọi là **Chúng-khổ-hạnh**, hoặc gọi là **Nhất-thiết-thí** 一切施, và nhiều thứ danh hiệu khác nữa. Đấng Giáo chủ ở trong pháp giới này, không những có cái ý nghĩa thông thường như các thế giới mà chính là chôn nguồn gốc của chúng sinh các thế giới. Hết thấy các chúng sinh, không chúng sinh nào mà không từ trong cõi pháp giới này chuyển ra, không chúng sinh nào mà không trở về cõi pháp giới này. Thực là thấu triệt cả nhân lẫn quả và bao la rộng lớn không sót tí gì. Đến như vạn vật trong thế giới đều bởi một tâm hiện ra. Hết thấy cái gì cũng như là huyễn mà lại dung thông hết thấy. Nó vốn không có hình tướng nhất định. Nhỏ chẳng nhất định là nhỏ cho nên nhỏ trứa được lớn. Lớn chẳng nhất định là lớn cho nên lọt vào được nhỏ. Thế cho nên lớn hay nhỏ đều tùy ở tâm biến chuyển đi mà vào đâu cũng không trở ngại ».

Ấy nghĩa kinh Hoa nghiêm tóm lại là như thế.

(còn nữa)

Đ. N. T.



Bồ-tát ma-ha-tát

(Bài diễn giảng của Đan-thần Phạm-tài-Luyện)

đọc ở chùa Quán-sứ ngày 15 tháng 6 năm Mậu-dần)

Ngày nay bất kỳ người phương Đông hay phương Tây ai đã lưu tâm nghiên cứu Phật giáo thì cũng đều công nhận Phật giáo rất thích hợp cho nhân sinh. Ta chú trọng về nhân sinh nên ta phải lưu tâm đến Phật giáo. Phật giáo lấy bình đẳng bác ái làm đầu. Phật nói : « Chúng sinh đều có Phật tính đều có thể thành Phật được cả ». Xem câu nói đó thì rõ ràng Phật vẫn sẵn lòng từ bi quảng đại phổ độ chúng sinh nên mới mong cho chúng sinh ai ai cũng thành Phật được cả. Ta có lương tâm tức là ta có Phật tính đó. Ta hồi đầu tin ngưỡng Phật tức là ta lại nhờ giáo lý của Phật để giữ cho hoàn toàn Phật tính của ta mà mong một ngày kia ta cũng sẽ có thể thành Phật được. Ai là người chẳng có Phật tính, ai là chẳng mong như thế, nếu ai ai cũng nhận mình đã sẵn có Phật tính mà tu hành hoàn toàn cho được thành Phật để cùng nhau lập thành nước Cực lạc ở cõi Sa-bà này thì quý hóa biết là nhường nào.

Ta cũng đừng ngại rằng chúng ta không thể thành Phật được. Nay đức Phật tổ ngày xưa ngài cũng là người có Phật tính như chúng ta thôi, chỉ vì ngài giữ được hoàn toàn Phật tính, tu hành viên mãn cho tới bậc giác ngộ là thành Phật. Nếu chúng ta ngày nay theo gương đức mãnh tinh tiến của ngài mà tu lên thì lo gì mà không thành Phật như ngài.

Nhưng đi xa hẳn phải từ gần, lên cao hẳn phải từ thấp, người học trò mong làm được bậc hiền, bậc hiền mong làm được bậc thánh (sĩ hi hiền, hiền bi thánh). Nho giáo ngày trước khuyên người hướng tấn không dừng mà vẫn phải theo thứ tự ; theo nho giáo như thế thì theo Phật giáo cũng phải như vậy. Ta chưa có thể mong nên được Phật ngay thì ta hãy mong tu hành thế nào cho tới được bậc dưới Phật mà đã gần tới bậc Phật đã.

Những bậc ấy là những bậc nào ? là các vị Duyên giác, Thanh-văn và các vị Bồ tát đều là những bậc giớe chi tu hành ở trong Phật-giáo cả. Nhưng Phật giáo đã chú trọng về nhân sinh mà chúng ta tin ngưỡng cũng chỉ cốt mưu hạnh phúc trong cuộc nhân sinh mà thôi ; các vị : Duyên giác, Thanh văn tu hành khổ hạnh là chỉ cốt sao cho được thành Phật thôi, không nghĩ gì đến thế gian nữa, tu như thế chỉ là lối tu vị kỷ không ích gì cho nhân sinh thì trái với tôn chỉ bình đẳng bác ái của Phật. Đức Phật-tổ ngày trước từng thế không cùng các bậc Duyên giác, Thanh văn tuyệt pháp. Ngài cho rằng tu như thế chỉ tổ làm diệt mất Phật chủng đi. Phật tổ ngày trước còn thế hưởng chi ta ngày nay. Vậy thì ta cũng không nên mong thành bậc Duyên giác, Thanh văn làm gì. Thế thì ta nên mong thành bậc nào ? Mong thành Bồ tát.

« Bồ tát Ma ha tát » năm chữ tôn hiệu đáng kính đáng mến kia khiến cho chúng ta là tín đồ nhà Phật, sau khi niệm : « Nam mô A Di Đà Phật », không thể không nhớ đến năm chữ tôn hiệu ấy được. Về phần nghĩa đen và nghĩa bóng năm chữ ấy, đã có nhiều nhà khảo cứu phổ bày lên trên báo Đuốc Tuệ rồi, tôi đây bất tất phải giải thích ra nữa, nhưng chỉ nên hiểu rằng năm chữ tôn hiệu ấy tức là huy hiệu tán dương những bậc tu hành Phật-giáo đã được thành công có thể giác ngộ được hết thảy các loài chúng sinh chỉ còn kém Phật một chút thôi.

Nay ta xét về thế nguyện, về tâm thân và về sự tu-hành của Bồ tát thì ta lại thấy rõ Bồ-tát là một bậc đáng kính đáng mến ở trong cuộc nhân sinh.

Nói về thế nguyện của Bồ-tát

Khi Bồ tát mới phát tâm tu đạo đã có những nhời thế nguyện rất lớn :

1°) Thế xin độ hết vô ngàn chúng sinh (chúng sinh vô biên, thế nguyện độ).

2°) Thế xin dứt hết vô số phiền não (phiền não vô số thế nguyện đoạn).

30) Thề xin học hết pháp môn vô tận (pháp môn vô tận thế nguyện học).

40) Thề xin thành đạo vô thượng của Phật (Phật đạo vô thượng thế nguyện thành).

Đọc kỹ những nhời thề nguyện trên thì ta nhận thấy rằng Bồ tát đối với chúng sinh có độ lượng quảng đại, đối với bản thân có chí khí siêu thoát, công phu tinh tiến và đức tính cương nghị. Vì rằng : Không quên độ chúng sinh đã là quý, mà thề xin độ hết chúng sinh thì quý hóa biết là dường nào ; Nếu không có độ lượng quảng đại thì sao được thế.

Người ta ở đời, đối với việc thiện hạ, trong 10 điều có khi đến tám chín điều bất như ý (thiên hạ bất như ý sự thập thương bất cử), vì thế mới có phiền não nhưng có biết đâu rằng những nghiệp phiền não kia cũng đều bởi cái lòng chấp trước từ kiếp vô thủy của mình tạo ra nên kiếp này phải chịu nghiệp quả phiền não. Vậy bây giờ muốn trừ hết phiền não cũng cốt ở như mình thôi, nghĩa là mình tạo nhân hay rồi sẽ được quả hay, đã được hưởng quả hay tức là đoạn trừ được phiền não đó. Nhưng theo điều hay thì khó như trên trời, tạo nghiệp hay dễ trừ được hết vô số phiền não không phải là dễ, mà tạo được nhiều nghiệp hay để trừ được hết vô số phiền não thì lại là việc rất khó. Bồ tát thề xin đoạn trừ hết vô số phiền não thì lại là một sự rất khó, nếu không có chí khí siêu thoát thì sao được thế.

Pháp môn tức là các phương pháp để chứng thành đạo quả mà mưu hạnh phúc cho nhân sinh, người đời thường học được một vài pháp môn, tạm biểu được một đời chầu đã có ý tự mãn rồi, vì thế cho nên sự tu hành không được hoàn bị Bồ tát thề xin học hết pháp môn vô tận, nếu không có tinh thần tinh tiến thì sao được thế.

Đạo Phật là đạo vô thượng chính giác rất thích hợp cho nhân sinh, đã là tín đồ Phật mà muốn theo đúng tôn

chỉ bác ái thì cũng mong chứng thành Phật đạo, nhưng hiềm vì Phật đạo quá cao, nếu không gắng sức tu hành thì cũng khó lòng chứng thành được. Bồ-tát thế xin thành đạo vô thượng của Phật như thế thực là có đức tính cương nghị.

Đọc kỹ những lời phát thệ của Bồ-tát khi mới phát tâm tu đạo như thế, ta lại nhận thấy Bồ-tát vẫn mang một chủ nghĩa tối cao là muốn độ chúng sinh, đoạn trừ phiền não, thấu hiểu pháp môn và thành tựu Phật-đạo. Tu như thế mới thật là chân tu, chứ không chỉ chuyên gõ mõ tụng kinh suông cho qua ngày đoạn tháng mà thôi.

Ta đã đọc những lời thệ nguyện của Bồ-tát, nay ta lại lấy tâm, thân của Bồ-tát làm gương tu hành cho ta.

Nói về tâm thân của Bồ-tát

Tâm Bồ-tát như đất nhơn có thể nuôi chúng sinh cho được thành chín-quả (tâm như đại địa) tâm Bồ-tát sẵn bề cứu độ, ví như cái cầu, cái thuyền có thể đưa chúng sinh sang bên kia (tâm như kiều thuyền); tâm Bồ-tát quảng đại bao hàm ví như bể nhơn có thể chứa đựng được hết thầy chúng sinh (tâm như đại hải); nói đến thân Bồ-tát thì lại càng đáng quý đáng trọng, vì thân không trấp trước, không phân biệt thân mình với thân người, thân rất hư không cũng ví như là trong chốn hư không không có gì chướng ngại, bình đẳng không hai (tâm như hư không).

Tâm không khó khăn, không hiềm nghèo, không hẹp hòi và thân không chấp trước như thế, thì Bồ-tát thật là đáng làm tấm gương tốt cho tín đồ nhà Phật. Tấm gương ấy phản chiếu cho ta bốn chữ: Tự độ độ tha» nghĩa là độ mình để độ người.

Nói về tự độ độ tha.

Cũng vì tâm, thân Bồ-tát như thế, nên sẵn lòng độ-tha, đối với chúng sinh Bồ-tát thường thệ nguyện rằng: « Ai chưa độ thì khiến được độ (vị độ giả linh độ), ai chưa

hiếu được thì khiến được hiếu (vị giải giả linh giải), ai chưa yên thì khiến được yên (vị an giả linh an), ai chưa tới được Niết-bàn thì khiến được tới Niết-bàn (vị Niết-bàn giả linh Niết-bàn). Ấy tâm và thân Bồ-tát, lúc nào cũng mang chủ nghĩa độ tha như thế. Nhưng muốn độ cho người thì trước hết phải độ lấy mình đã, vì rằng mình có hay thì mới có thể giúp cho người hay được. Nếu tư phần trong mình còn nhiều nết xấu, thì dù hết sức muốn làm tốt cho người nhưng cũng không thể được, cho nên độ mình để độ cho người (tự độ độ tha) là một phương pháp rất hay, phương pháp kỳ Bồ-tát thường dùng làm phương pháp tu hành.

Nói về phương pháp tu hành của Bồ-tát

Những phẩm hạnh tu hành của Bồ-tát kể cũng có nhiều, nhưng đây hãy kể sáu hạnh chính gọi là « Lục độ hạnh » tiếng phạn gọi là sáu hạnh ba la mật tức là sáu hạnh tốt có thể đưa chính mình cùng kẻ khác qua chỗ dở tới chỗ hay.

Sáu hạnh là những gì ?

1. Bồ thí nghĩa là lòng không chấp trước, bao giờ cũng hi xả tâm thân tính mệnh và tài sản mà làm việc bố thí, hoặc đem của giúp đỡ cho người tùy sức mình có nhiều giúp nhiều, có ít giúp ít, cũng là bỏ tiền bỏ của gây dựng những công cuộc có ích cho đời, thế gọi là tài thí; hoặc đem những ý nghĩa hay ra dạy bảo cho đời, tìm những phương pháp làm lợi cho chúng sinh, thế gọi là Pháp thí; đem tài trí ra để cứu giúp cho những kẻ bị tai nạn cũng là bênh vực quyền lợi cho kẻ hèn yếu, thế gọi là vô úy thí. Nói tóm lại là tất cả các cách muốn làm cho chúng sinh hoặc được bề ích về thể chất hoặc bề ích về linh thần,

2.) Trì giới nghĩa là bền giữ các điều cấm giới như là đừng phạm vào : tàn sát, trộm cắp, rượu chè, cờ bạc, tà dâm, nói dối và nói vu vạ vãn... là những tính

- xấu có thể làm mất phẩm giá mình mà lại phương hại cho xã-hội nữa. Phải giữ cho mình có đủ uy nghi đức tính để bài trừ những thói xấu nó có thể làm mất những nguyện vọng hay.

3.) **Tinh tiến** nghĩa là đối với mọi việc trong sạch, phải chịu khó đùng trề nhác, đùng lười biếng, phải làm thế nào cho những điều hay càng ngày càng rộng ra.

4.) **Nhẫn-nhục** nghĩa là khi đã tìm được con đường chính nào thì cứ cố chí mà noi theo, làm cho đạt tới mục đích, dù có kẻ nào lấy lòng nhân-ngã mà gài trở nhưng cứ yên tâm bền trí không chần nản chút nào.

5.) **Thuyền-định** nghĩa là phải yên thần định chí, đề ngất bỏ dục vọng và phiền não thì tâm thần mới hư không thanh tịnh; mới có thể chừa được những điều tệ nguyện chính đáng.

6.) **Trí tuệ** nghĩa là phải làm thế nào mà phá tan được cái màn vô minh, đùng để cho nó ám ảnh đề khỏi hãm vào chốn si mê mà bước lên đường giác ngộ.

Xét trong phương pháp tu hành lại có thể tìm thấy cơ quan tu hành của Bồ-tát nữa.

Cơ quan tu hành của Bồ tát

Trong sáu hạnh Bồ tát vừa kể trên, nếu cứ bàn thẳng đi thì hạnh nào cũng là ngu ý tự độ độ tha cả, nghĩa là cảm hóa người bằng tinh thần: bố thí để độ kẻ tham lam kiền lận; tri giới để độ kẻ táng tâm bại đức; tinh tiến để độ kẻ lười biếng trề nhác; nhẫn nhục để độ kẻ nóng nảy tức bực; thuyền định để độ kẻ táo suất vọng động; trí tuệ để độ kẻ ngu si mê chấp.

Nhưng nói về phần công dụng thì hạnh bố thí thuộc về công việc độ tha, còn 5 hạnh trên kia thuộc về công việc tự độ.

Nói đến đây, ta có thể nhận ra rằng:

Bồ tát cốt lấy sự độ tha làm đầu, cho nên trên kia nói

đến Bồ tát phát tâm thế nguyện thì trước hết xin thế độ hết thấy vô lậu chúng sinh, sau mới nói đến các điều thế nguyện khác. Mà sáu hạnh vừa kể trên cũng đề bố thí lên đầu, thì rõ rằng bồ tát cốt lấy độ tha làm đầu.

Nhưng độ tha không phải là sự dễ; cho rộng của, giúp nhiều người, Nghiêu Thuấn là những bậc thánh-đế nước Tàu ngày trước còn cho là khó (Bác thí tế chúng, Nghiêu Thuấn do bệnh). Vậy muốn đạt được mục đích ấy phải cốt ở như công phu tự độ, thân mình thẳng, chẳng ra lệnh người ta cũng theo, thân mình chẳng thẳng, dẫn ra lệnh người ta cũng chẳng theo (kỳ toàn chính, bất lệnh nhi hành, kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất hành) thân này chẳng độ, độ nào được ai (thử thân bất độ, độ hà thân), mình đã không độ được mình thì sao độ được kẻ khác. Thật thế, có tự độ rồi đem ra độ tha thì sự hành vi mới có bản lĩnh thành thực mà cứu cánh mới có kết quả mỹ mãn. Ví bằng không biết tự độ mà vội nói đến độ tha, chỉ cầu đời công, còn đời tư hư hỏng cũng không cần, chỉ chăm về luân lý xã hội, mà chẳng đoái hoài chi đến luân lý bản thân, thì về việc công ích công lợi, dù có sốt sắng bội phần nhưng cũng không khỏi là vụ ngoại hiềm danh, cũng khó lòng mà được viên thành quả phúc.

Cho nên Bồ-tát phải gia công tự độ để đạt tới chủ nghĩa độ tha, trong bốn điều thế nguyện chỉ có điều thứ nhất thuộc về phần độ tha, còn ba điều kia thuộc về phần tự độ; mà trong sáu hạnh chỉ có hạnh thứ nhất thuộc về độ-tha còn 5 hạnh kia thuộc về phần tự độ. Ta nhận đó, có thể thấy cơ quau tu hành của Bồ-tát. Cũng vì tu hành có cơ quan như thế, cho nên Bồ-tát rất là có công với Phật-giáo.

Bồ tát là công thần của Phật

Trước kia tôi chưa lưu tâm nghiên-cứu Phật-giáo, đọc qua những nhời bài Phật bằng một cách thô thiển của

Đường nho và Tống nho nước Tàu cùng mấy nhời thiên chấp của các nhà quá kích gần nay, hoặc cho đạo Phật là đạo hư vô tịch duyệt, hoặc cho đạo Phật là đạo ru ngủ người đời, tôi cũng yên chí như vậy, vì vào thời kỳ ấy, những kinh tạng của Phật chỉ như là một bảo vật cũ khóa chặt trong hòm, hàng ngày cất đẽ, tay chẳng được cầm, mắt chẳng được thấy, thì còn biết giá trị bảo vật ấy ra thế nào, chỉ nghe lồm người nói làm sao thì bảo hao làm vậy, đánh đẽ cho Phật-giáo phải đứng vào trong vòng bắc âm. Lại đáng phân nan nữa là các chùa thờ Phật tuy theo lối Đại-thừa mà các nhà tu hành lại hình như bị làn sóng tín ngưỡng sai lầm của hoàn cảnh xô đẩy mà tu theo lối Tiểu-thừa là những lối tu độc thiện, ngoài sự tụng niệm chay tiếu ra không nghĩ gì đến việc thế-gian cả, khiến cho phạm vi tu hành chỉ rút vào trong vòng rất hẹp hòi. Trách nào mà Phật-giáo chẳng một ngày một kém đi. May thay trong các tín đồ nhà Phật, lại có các vị Bồ-tát còn treo lăm gương sáng ở trong Phật đài. Tăm gương ấy ngày nay nhờ có Huốc-tuệ soi tới mới tỏ rõ cái chân tướng bồ-tát. Thệ nguyện chính đáng biết là nương nào ! lăm thân quảng đại biết là nương nào !

Nói đến chân tướng bồ-tát như thế thì ai lại còn dám chê đạo Phật là đạo hư vô tịch duyệt, là đạo ru ngủ người đời nữa, Bồ-tát thật là công thần nhơn của Phật. Chúng ta chưa thể mong thành Phật ngay được, vậy thì bất kỳ tại gia hay xuất gia ta cùng rủ nhau tu theo Bồ-tát, ta chả thường thấy trong kinh Phật nói có xuất gia Bồ-tát và tại gia Bồ-tát đấy ư ! . . .

Nói về xuất gia Bồ-tát và tại gia Bồ-tát

Các vị tăng, ni xuất gia tu hành, tức là các vị trưởng nam nhà Phật, lấy địa vị trưởng nam mà đương cái giá trị công thần nhà Phật thì rất là dễ dàng và xứng đáng. Cái hay hiệu « xuất gia Bồ-tát » chắc là chính thức lắm rồi

không còn phải nói ra làm gì nữa.

Còn những thiện tín giáo hữu tại gia thì sao? có thể tu bỏ tất được không?

Thưa rằng được, vì ta thường thấy các vị tại gia hằng ngày phần nhiều như là tập sự Bồ tát cả mà tự mình không biết, như đem tài lực tổ chức việc từ-thiện nọ, việc công ích kia; hoặc viết báo viết sách để dạy đời; hoặc chu cấp kẻ nghèo đói, hoặc bệnh vực kẻ hèn yếu, v... v... Cứ xét công việc làm phần nhiều đúng tôn chỉ độ tha của Bồ tát. Đó cũng là cái thực chứng rằng người ta ai cũng có thể thành Phật được cả. Nếu bây giờ lại giặc lòng tin ngưỡng Phật mà làm cho thế nguyện mình cũng như thế nguyện Bồ tát, tâm thân mình cũng như tâm thân bồ tát, mà nhất là sự tu hành cũng theo đúng như phương pháp của bồ tát, nghĩa là theo đúng tôn chỉ tự độ độ tha, tuy tuy là thứ nam đấng nhưng cũng sẽ có thể cùng các vị trưởng nam mà đương lấy cái giá trị công thần nhà Phật tức là cũng có thể thành Bồ tát chính thức được.

Giáo lý của Phật rất là cao siêu mà phương pháp tu hành lại rất là phương tiện, ai ai cũng có thể noi theo được cả; vậy giám xin các giáo hữu tại gia nên nhớ luôn đến cái huy hiệu « tại gia Bồ-tát » thì thật là có công đức hơn với tiền đờ Phật giáo.

PHẠM-TÀI LUYỆN

Báo Thời-Vụ phản-bội với chủ

CHỦ-TRƯỞNG CỦA MÌNH

Thời-Vụ một tờ báo chính-trị ở Hanoi, số 51, ngày 5 Août, đã cố ý dùng những lời « thậm-tử ô-nữ » để hai-ngược, bài-xích hết thảy tông-giáo và văn-hóa cũ.

Nguyên mới có cái việc có bé Thị Lĩnh ở Hảiduong, 14 tuổi, lấy tiền của nhà, trốn vào Nam-dinh xin đi tu

vụ tuyên bố là giữ « chủ-nghĩa quốc gia ». cái « quốc gia có vua » như ở lời Hoàng-đế nước Anh mới diễn thuyết ở Paris (xem cuối bài xã-thuyết ấy).

Phải, một chủ-nghĩa quốc-gia có vua mà vẫn giữ tinh cách dân-chủ và tự-do như bài xã-thuyết ấy đã phò thì thực là hay. Song ở đất này, ngày nay và ở Thời-vụ, ai không biết rằng chủ-nghĩa ấy nó không phải như ở bên Anh nước độc-lập hùng-cường, muốn kiếm-thiết gì cũng được.

Và nó cũng không phải như ở bên Nhật hồi đầu cuộc duy-tầu, phải chỉ sĩ đại cử việc tôn vương phúc mạc. Cái chủ-nghĩa quốc gia có vua của Thời vụ cổ-nhiên phải đứng ở dưới bóng cờ bảo-hộ Đại-pháp mà gây lại cái mầm quốc-gia cũ, vì mầm ấy đã bị thui hèn hết ở trong óc quốc-dân lâu rồi. Nay phải đem chất đất « quốc-hồn Á-túy » lấp nơi có sẵn, theo phép chùng thực mới mà vuơn hớn cho nó nảy-nở dần lên, mong có ngày kết quả tốt đẹp. Quyết chỉ có một phép ấy thôi chứ không còn phép gì đôn đáng hơn nữa, ấy là nếu có chỉ làm thực. Ấy chỗ chủ trương về chủ-nghĩa quốc-gia của Thời vụ quyết không ngoài cái thâm ý đôn đáng đó.

Nhưng cái đất « quốc-hồn Á-túy » nó lại chính là cái đất của Nho và Phật. « Kính Trời, thờ tổ, tôn vua, yêu dân » là tinh thần quốc gia của Nho. « Nguyện đền ơn đất nước, quốc vương, xin hi sinh (hi xá) hết thảy cho quần chúng (chúng sinh) » là tinh thần giác thể của Phật. Hai đạo Nho Phật vốn không phải là tông giáo giai cấp chuyên quyền, chính là hai cái đất màu tốt bình đẳng tự do đã từng gây cho cái gốc quốc gia thịnh cường cho nước Việt-nam về một thể vận khá dài là Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê rồi đó. Người Việt-nam ngày nay mà còn được cái vinh hạnh là đã từng có nước, đã từng có học cũng là nhờ có hai đạo ấy. Thời thế đến ngày nay, như ai lẽ mà rằng, chớ như Thời vụ, chớ như cái chủ-nghĩa quốc gia có vua của Thời vụ thì lại

xa ấy về giáo nào. Thời Vụ bèn tiếp : « Có lẽ ông Trời ấy là ông Giê-hô-va, người đã gây ra vụ thông dâm của A-dam và Evơ ngày xưa ».

Ai không biết ông Giê-hô-va ấy, Tầu dịch là Gia-hòa hoa 耶和華, tức là Đấng Thiên-chúa tạo thiên lập địa, tạo ra loài người, nép ở thiên Sáng thế kỷ sách Cựu ước Thánh kinh của đạo Gia-tô. Thời-Vụ phải biết đời này tin-nguỡng tự-do, mình không tin nhưng người khác tin. Dù gặp trường hợp tranh-luận đề bênh chân-lý cũng không ai được đem lời thơ ý bả mà riều cọt chỗ lớn-kích của giáo khác. Sao Thời-Vụ lại nỡ nói cái lối lằm lờ và công-nhiên chễ-bác như thế ! Chua cay quá !

Cái luận « Trời có hay không » đến nay đã thành hủ sáo rồi, cho nên ông Tô-khơ-học Darwins, người phát minh ra cái thuyết « khí là tổ loài người » và thuyết « ưu thắng liệt bại » mà đối với cái lẽ « Trời có hay không », ông thũ thực ông chưa tìm thấy mối manh, ông không dám nói không hay có và không từng bài bác giáo nào. Cho nên phải hiểu cái lẽ thần đạo, người nhân giả thuyết ra để dạy đời, người trí-giả biết mà cũng phải theo đề cứu thế. Thời vụ lấy lòng nông-cạn, tưởng nói bạo thế để đời phải chú-ý là mình mới đây, nhưng có hiểu đâu cái chỗ cao-sâu nọ.

Thôi, thế nhưng Thời-vụ đã nỡ nói được những lời « lầy-là » : « kinh Phật cũng như tiếu-thuyết khiêu dâm, ông Trời Giê-hô-va chỉ trông nom những đám thông dâm » như thế, như cái cách có ghen ghét, nghiến-ngấu, cắn-cấu gì ai ấy, thì cũng không ai còn rầy với. Chẳng qua như câu tục ngữ « ngậm máu phun người, rầy bần miệng mình trước » mà thôi. Gbỉ tức rằng cách ấy nói đó, Thời-vụ đã tự làm phản-bội với chỗ chủ-trương của mình, cái chủ-trương chắc-chắn.

Tức như, cũng số báo 51 ấy, bài Xả-thuyết, Thời-

vụ tuyên bố là giữ « chủ-nghĩa quốc gia », cái « quốc gia có vua » như ở lời Hoàng-đế nước Anh mới diễn thuyết ở Paris (xem cuối bài xã-thuyết ấy).

Phải, một chủ-nghĩa quốc-gia có vua mà vẫn giữ tinh cách dân-chủ và tự-do như bài xã-thuyết ấy đã phò thì thực là hay. Song ở đất này, ngày nay và ở Thời-vụ, ai không biết rằng chủ nghĩa ấy nó không phải như ở bên Anh nước độc-lập hùng-cường, muốn kiến-thiết gì cũng được.

Và nó cũng không phải như ở bên Nhật hồi đầu cuộc duy tân, phải chỉ sĩ đại cử việc tôn vương phúc mạc. Cái chủ nghĩa quốc gia có vua của Thời vụ cổ nhiên phải đứng ở dưới bóng cờ bảo-hộ Đại-pháp mà gây lại cái mầm quốc-gia cũ, vì mầm ấy đã bị thui hầu hết ở trong óc quốc-dân lâu rồi. Nay phải đem chất đất « quốc-hồn Á-túy » thổ nơi có sẵn, theo phép chùng thực mới mà vuôu bón cho nó nảy-nở dần lên, mong có ngày kết quả tốt đẹp. Quyết chỉ có một phép ấy thôi chứ không còn phép gì ổn đáng hơn nữa, ấy là nếu có chỉ làm thực. Ấy chỗ chủ trương về chủ nghĩa quốc-gia của Thời vụ quyết không ngoài cái thâm ý ổn đáng đó.

Nhưng cái đất « quốc-hồn Á-túy » nó lại chính là cái đất của Nho và Phật. « Kính Trời, thờ tổ, tôn vua, yêu dân » là tinh thần quốc gia của Nho. « Nguyện đền ơn đất nước, quốc vương, xin hi sinh (bỉ xá) hết thảy cho quần chúng (chúng sinh) là tinh thần giác thể của Phật. Hai đạo Nho Phật vốn không phải là lối giáo giai cấp chuyên quyền, chính là hai cái đất màu tốt bình đẳng tự do đã từng gây cho cái gốc quốc gia thịnh cường cho nước Việt-nam về một thể vận khá dài là Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê rồi đó. Người Việt-nam ngày nay mà còn được cái vinh hạnh là đã từng có nước, đã từng có học cũng là nhờ có hai đạo ấy. Thời thế đến ngày nay, như ai lẽ mà rằng, chớ như Thời vụ, chớ như cái chủ nghĩa quốc gia có vua của Thời vụ thì lại

càng cần phải nhờ vào Nho và Phật để ủng hộ vào cho.

Thế mà như số 51, Thời vụ lại cố ý bài Phật bĩ Nho thì cũng lạ quá.

« Không cúng tế Đức Khổng », tức là không cúng tế cái chỗ mà Đức Khổng cúng tế, tức là không làm cái lễ hội « Kính Trời, thờ tổ », thế thì ra Thời vụ li dị với « cái quốc gia-tế Nam giao, cúng Tông miếu » rồi. Mới đã không với tới, cũ lại không thêm làm, thế thì cái chủ nghĩa quốc gia của Thời vụ sẽ mầu nhiệm chi chi. Muốn làm chính trị mà ngờ nghệch như thế ư. Thế không phải là Thời vụ đã phản bội với cái chỗ chủ trương của mình rồi đấy ư.

Hội Phật-giáo chính là vì mong cứu vớt cái lòng đắm đuối của người đời mà lập ra, cứu vớt cái lòng lộng bóng vong bản, chứ không phải là làm lụt lòng ai về cái hại gì.

Trên ấy là lấy lòng tự giác giác tha mà trung cáo cho Thời vụ chứ không hề sân hận chút chi.

Đuốc-Tuệ.

VIỆT-NAM THIỀN-TÔNG THẾ-HỆ

(tiếp theo)

2. — Định tuệ hay Định huệ Thiền sư

定慧 (或云定惠)

Định-tuệ Thiền-sư trụ-tri ở chùa Quang-hưng, làng An-trinh, phủ Thiên-đức. Quê người ở làng Cẩm-diễn, Phong-châu, nhà họ Khúc.

Định-tuệ sư với Vạn-hạnh sư cùng thờ Thiền ốg Thiền sư làm thầy. Định-tuệ-sư được truyền tâm-ấn rồi khi tịch bèn truyền lại cho đệ tử là Lâm-huệ-sinh (林惠生).

3. — Đạo-hạnh 道行 Thiền-sư

Đạo-hạnh Thiền-sư trụ tri chùa Thiên-phúc, núi Phật-tích. Thiền sư nhà họ Từ, húy là Lộ, cha là Vinh làm

quan đến chức Tăng-quan 僧官 都按 đời nhà Lý. Thửa Thiệu-niên ông Tào-Vinh đến du học ở làng An-lãng tức là làng Láng bây giờ. Nhân lấy con gái nhà họ Tăng bèn lập gia-cư tại đó. Đạo-hạnh Thiên-sư là con bà họ Tăng sinh ra. Lúc nhỏ là một tay hiệp-sĩ khảng khái có chí lớn. Cử chỉ việc gì không ai dò biết được. Thường chơi thân với nhà Nho giả là Phế-sinh 費生, nhà Đạo sĩ là Lê-toàn-Nghĩa 黎金義, nhà ca-kịch là Vy-Ất 微乙. Đêm thì dùi mài học hành nhưng ngày thì thổi sáo đá cầu, nó đùa rả rích. Cha là ông Vinh thường quở mắng là lêu-lổng. Một tối kia ông lên vào thư phòng định xem con có học hành gì không, thì thấy ngọn đèn tù mù, sách vở để từng chồng mà Từ-Lộ thì ôm cái án sách đang ngủ, tay vẫn còn cầm quyển sách. Nhìn vào đĩa đèn thì dầu cạn, tắc gần cháy hết. Vì thế từ đó ông Vinh không lo ngại gì đến con nữa.

Sau ông Vinh thi trúng khoa Tăng-quan Ngự-thi, dùng tà thuật làm mất lòng Duyên-thành-hầu. Hầu nhờ Đại-diên Pháp-sư lấy phép đánh chết ông Vinh và vất thầy xuống sông Tô-lic. Cái thầy ấy trôi đến Quyết-kiều chỗ bên nhà Duyên thành Hầu, bỗng đứng sững lên như người sống và trở tay vào nhà ấy, xuất một ngày không ngủ xuống. Duyên thành Hầu sợ hãi lắm liền chạy đi báo với Đại-diên Pháp-sư. Đại-diên đến đọc căn kệ rằng : **•Tăng hận bất cách tức 僧恨不隔宿** Đã là một kẻ tu hành, dân ai cũng chẳng dễ dành qua đêm » ,

Tự nhiên vái thầy ấy ngã vật ra mà trôi đi.

Từ-Lộ nghĩ đến thù cha vẫn muốn báo lại nhưng không biết làm thế nào. Một ngày kia Từ-Lộ định Đại-diên đi ra ngoài đường định đón đánh chết. Bỗng nghe trên không có tiếng quát to lên rằng : **« Chớ, chớ »**.

Từ-Lộ kinh sợ vật gậy mà chạy mất.

Từ-Lộ muốn sang Ấn-độ học lấy phép thuật linh-dị để về chống-cự với Đại-diên Pháp-sư. Đi đã đến Kim-xi-man 全齒巖 bị đường lối hiểm trở lắm, phải trở lại, bèn đến

ân-cư ở núi Từ-sơn; lấy pháp-hiệu là Đạo-hạnh. Ngày thường chuyên trì thần chú đại-i-tâm và thần chú đà ni, đọc đến 18.000 biến. Một ngày kia bỗng thấy có một vị thần nhân đến trước mặt bảo Đạo-hạnh rằng :

— « Đệ-tử tôi đây là một trong Tứ-chấn Thiên-vương, cảm vì Thiên-sư có công đức trì tụng kinh chú, nên đệ tử lại đây xin hầu hạ để Thiên-sư sai khiến ».

Đạo hạnh biết là đạo pháp của mình đã viên mãn, thù cha có cơ giã được. liền đi đến Quyết kiều, cầm cái gậy vất xuống giữa giòng nước chảy, cái gậy ấy cứ lừ lừ trôi ngược lên đến cầu Tây-dương mới thôi. Đạo hạnh Thiên sư thấy thế mừng lắm tự nói rằng :

— « Thế thì phép thuật của ta bằng rồi ».

Bèn đi thẳng đến chỗ ông Đại-diên, ông thấy Đạo-hạnh liền nói :

— Thế ông không nhớ đến việc ngày trước a ?

Đạo hạnh Thiên sư ngẩng mặt trông lên trên không thì im lặng chẳng thấy có gì. Người bèn đấm ông Đại-diên một cái, ông Đại-diên phát bệnh chết. Từ đó tục oan rửa sạch, lục lự tiêu tan, Đạo hạnh Thiên sư đi chơi khắp mọi chốn tùng - lâm để cầu chứng đạo. Nhân nghe thấy có ông Kiều-tri-huyền đang diễn hóa ở xứ Thái-bình, Đạo-hạnh Thiên-sư thân đến lạy yết và đưa trình bài kệ nói về « Chân tâm » rằng :

久混凡塵未識金,

Cửu hỗn phàm trần vị thức tâm,

不知何處是真心。

Bất tri hà xứ thị chân tâm.

願垂指 的 開方便,

Nguyện thùy chỉ đích khai phương tiện.

了見如如斷苦尋。

Liễu kiến như như đoạn khổ tìm.

DỊCH :

Cõi trần lặn-quần biết chi vàng,
Đầu chốn chân-tâm muốn hiểu tường.
Hiểu tường tới chốn như như ấy,
Chỉ dẫn xin nhờ mở rộng phương.

Ông Kiều-trí-huyền đáp lại bài kệ rằng :

玉裏秘聲演妙音,
Ngọc lý bí thanh diễn diệu âm,
箇中滿目露禪心.
Cá trung mãn mục lộ thiền tâm.
河沙境是菩提道,
Hà-xa cảnh thị bồ-đề đạo,
擬向菩提隔萬尋.
Ngĩ hướng bồ-đề cách vạn tìm.

DỊCH :

Diệu-âm tiếng trong ngọc vang ra,
Đầy đầy thiền-tâm trước mắt ta.
Mỗi cõi bồ-đề một hạt cát,
Chẳng phải tìm đâu thêm cách xa.

Đạo-hạnh Thiền-sur nghe thấy lơ mơ chẳng hiểu gì cả;
hèn bỏ đi thim ông Pháp-vân Sùng-phạm mà hỏi rằng :

-- Thế nào là chân tâm ?

Ông Sùng-phạm đáp :

-- Cái gì mà chẳng phải là chân-tâm.

Đạo-hạnh-sur liền thấy bâng khuâng tỉnh ra mà tự
hiểu ngay, nhân hỏi thêm rằng :

-- « Lấy gì làm bảo-nhiệm cho nghĩa ấy ? »

-- Đói thì ăn, khát thì uống chứ gì.

Đạo-hạnh-sur liền sụp xuống lễ rồi xin về. Từ đó sức
hiểu đạo càng tăng, chứng thiền-cơ càng diệu, có thể

khuyến cho thú dữ rần độc đều đến mà thuần phục. Có khi đổi một ngón tay để đảo vũ, có khi đọc chú vào bát nước lã để chữa bệnh, mà đều hiệu-nghiệm cả. Có một vị lãng hỏi rằng :

作有塵沙有 Tác hữu trần xa hữu,
 爲空一切空 Vi không nhất thiết không.
 有空如水月 Hữu không như thủy nguyệt,
 勿著有空空 Vật chước hữu không không.

NGUYÊN DỊCH :

Có thì có tự mây may,
 Không thì cả thể-gian này cũng không.
 Vàng giăng vàng-vặc in sóng,
 Chắc chi có có không không mơ màng.

(Bài kệ nôm này có chỗ nói là của Huyền-quang Thiển sư nhà Trần, thì tức là Huyền-quang dịch bài kệ chữ Nho của Đạo-hạnh Thiển-sư đây).

Lại bài kệ nữa :

日月坐臨頭 Nhật nguyệt tọa lâm đầu,
 人人盡失珠 Nhân-nhân tận thất châu.
 富人有駒子 Phú-nhân hữu câu tử,
 步行不騎駒 Bộ hành bất kỵ câu.

DỊCH :

Hai vầng nhật nguyệt soi trên đầu,
 Ai còn khoe sáng hạt minh châu.
 Lại chuyện giắt ngựa mà đi bộ,
 Ấy là câu chuyện anh nhà giàu.

Từ đó đồ-chúng đến tham-học ngày càng đông. Lúc Đạo-hạnh Thiển-sư sắp tịch, Người có đọc cho đồ-chúng một bài kệ rằng :

秋來不報鴈來歸,

Thu lai bất báo nhạn lai qui.

冷笑人間輻發悲。

Lãnh tiếu nhân gian tạt phát bi.

爲報門人休戀著。

Vì báo môn-nhân hưu luyến chước.

古師幾度作今師。

Cổ sư kỷ độ tác kim sư.

DỊCH :

Thu về chửa thấy nhạn về,

Cười ai đã với ai-bì những là

Môn nhân đừng tiếc thương ta,

Thầy nay hồ dễ ai là thầy xưa.

Ý nói đời nào tự có thầy dạy bảo ở đời ấy, không nên quyến luyến ta chi cho lắm. Đọc xong, Đạo-hạnh Thiền sư ngồi chững chặc mà hóa.

Dịch-giải căn án : — Cứ như đây đã nói Đạo-hạnh Thiền-sư khi thị tịch, đọc kệ xong, ngồi chững chặc mà hóa (言訖儼然而化 Ngôn kết nghiêm nhiên nhi hóa). Thị sự thị tịch của Người cũng hợp sự lý như các vị cao tăng trong sách này, không có chi là gỡ lạ. Vậy thì biết rằng thuyết « hình-thuế 形蜕 » và thuyết « thi-giải 尸解 » chỉ là người sau tô-diêm ra. Nên đây không lục vào.

Lại về truyện Đạo-hạnh Thiền sư còn có cái việc Người nguyện đầu thai làm con Sùng-hiền-hầu 崇賢侯 thừa tự ngôi vua nhà Lý đề báo ơn Hậu đã cứu Người khỏi tội chết. Thực là hoang-dường, không hợp chân-lý của Thiền-tông, nên đây lược đi.

D. N. T.



TÂY-VỰC KỶ

(tiếp theo)

Gạo ấy to bằng hạt đậu đen, thối cơm vừa thơm vừa rều, không thứ gạo nào ngon bằng, chỉ có nước Ma yết đã là sản xuất ra, các xứ khác không có, chỉ để cúng vua và các vị đại đức học nhiều. nên gọi là gạo « đại nhân ». Mỗi tháng Pháp sư lại được cấp thêm 3 thùng dầu, còn dấm. sữa thì tùy ý, ngày dùng hết bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Lại có 1 người hầu riêng, 1 người bà-la-môn và được miễn các việc trong làng. đi đâu thì ngồi xe voi. Trong chùa Lạn đà có tất cả 1 vạn vị sư, được cung cấp hậu như thế chỉ có Pháp sư với 9 vị nữa thôi. Cõi đó đủ biết Pháp sư đi ra ngoài được hậu đãi như thế.

Chùa Lạn đà, nghĩa là « Cho không cháo », sở dĩ đặt tên thế là vì xưa kia, về phía Nam chùa, có cái vườn Am một la, cái ao trong vườn ấy, có con rồng tên là Na-lạn đà. Chùa làm bên đó, nên lấy tên con rồng mà đặt tên chùa. Lại có một thuyết nữa nói rằng: Khi đức Như lai còn tu hạnh Bồ tát, làm vua nước lớn, đóng kinh đô ở đây, vì ngài thương xót những kẻ bần cùng nghèo khổ thường bỏ thí luôn. Người ta nhớ ơn ấy, nên mới gọi là chùa « Cho không cháo ». Đất chùa ấy, nguyên là cái vườn Am một la Trưởng-giả cúng 500 người lái buôn bỏ ra 10 ức bạc mua để cúng Phật. Phật ở lại đây thuyết pháp cho ba tháng. Trong họ lái buôn có nhiều người được chứng quả.

Sau khi Phật vào Niết-bàn, vua nước ấy là vua Đế nhật (Thước-ca-la-a-diệt-la) một lòng kính mến Phật mới dựng nên ngôi chùa ấy. Khi vua mất rồi, con vua là Giác hộ (Phật-đa-cúc-đa) nối dõi nghiệp lớn, lại làm một ngôi chùa ở phía Nam. Đến đời con vua là vua Như-lai (Đát-tha yết-đa) lại làm một ngôi chùa ở phía Đông. Đến đời con vua là vua Ấu-nhật (Bà-la-a-dật-đa) lại làm một ngôi chùa ở phía Đông-bắc. Sau vua giúp một vị Thánh-tăng ở bên Tàu lại ứng cúng, trong lòng vui vẻ lắm, liền bỏ ngôi vua đi tu. Con vua là vua

Kim-cương (Phật-xà-la) nổi ngôi, lại làm một ngôi chùa nữa ở phía Bắc. Sau đó vua Ấn-độ lại làm một ngôi chùa nữa ở bên. Sáu đời vua nối nhau sửa sang, ngoài lại xây tường gạch bao la; hợp làm một khu, mỗi chùa mở một cửa lớn đi ra. Trong chia làm 8 viện, đều đài san sát, lầu gác nguy nga, khói lượn từng mây, đống phá mầu ngôi. Lại có giòng nước trong veo, chảy quanh 4 mặt, hoa sen xanh đỏ cùng lông bóng nhau. Ngoài thì có rừng Am-mật-la, xanh um bát ngát, các viện tăng ở, đều làm 4 tầng gác, cột xà trạm chõ, sơn son thiếp vàng, cực kì tinh mỹ. Kể số chùa bên Ấn-độ có hàng ngàn, vạn cái, nhưng tráng lệ nguy nga thì đến chỗ ấy là tuyệt phẩm.

Tăng đồ chủ khách thường có vạn người đều học về phái Đại thừa mà kiếm cả 18 bộ cho đến các kinh Phệ đà của ngoại đạo, các sách của đời, cùng Nhân minh, Thanh-minh. Y phương minh, võ thuật phương lược đều nghiên cứu hết. Kể số tinh thông kinh luận đến 20 bộ thì có hơn 1000 người; tinh thông 30 bộ thì có hơn 500 người; tinh thông 50 bộ thì cả Pháp-sự mới là 10 người. Duy ngài Giới biên thì tinh thông hết thầy, đức cả tuổi cao, làm khuôn phép cho chúng. Tòa dăng trong chùa, mỗi ngày có hơn 100 chỗ, học trò tu tập, không bỏ phí một tức bóng quang âm nào. Chỗ có nhiều người đại đức, tự nhiên nghiêm túc lạ.

Từ khi sáng lập đến nay đã hơn 700 năm, chưa người nào phạm một lỗi dèm pha nào cả Vua rất kính trọng, nên bỏ ra 100 ấp để cúng dàng chư tăng. Mỗi ấp có 200 nóc nhà, hàng ngày đem tiến gạo « đại nhân » và dấm, sữa hàng trăm tạ. Vì thế các sự đến học, cứ ngồi yên mà 4 món cúng dàng, tự nhiên đủ hết, về thành công quả, cũng nhờ chỗ đó nhiều.

Thành Vương xá cũ, nguyên gọi là thành Củ sa yết la bồ la (Tầu dịch là Thượng mao cung thành) ở vào giữa nước Ma yết đà, vua chúa ngày xưa, phần nhiều ở đó. Vì

ở xứ ấy có nhiều cỏ danh thơm, nên gọi là thành Mao cung Bốn mặt đều là núi, chót vót ngất trời. Phía Tây có một lối đi tắt nhỏ. Phía bắc có cửa lớn. Đông, tây giải, Nam, bắc hẹp, chu vi hơn 150 dặm.

Trong thành lại có cái thành nhỏ chu vi hơn 30 dặm, có rất nhiều rừng cây Yết ny ca. đơm hoa kết nụ, 4 mùa không tàn, lá vàng như vàng, coi rất ngoạn mục. Ngoài cửa Bắc cung thành có cái tháp tức là chỗ Đê bà đạt đa và vua Vị sinh oán thả voi say rượu ra toan làm hại Phật. Về phía đông bắc có cái tháp tức là chỗ ngài Xá-lý Phất nghe A thấp bà đặc bí su thuyết pháp mà được chứng quả. Về phía Bắc, gần đấy có cái hồ lớn và sâu, tức là chỗ chàng Thất lợi lúc đa (Thắng mặt) nghe ngoại đạo xúi đảo hãm lửa và bỏ thuốc độc vào cơm để toan hại Phật. Về phía đông bắc hãm lửa, ngay chỗ khúc thành hãm vào, có cái tháp, tức là chỗ thầy Phước ca đại y làm nhà để rước Phật thuyết pháp, ở bên này còn cả nền nhà cũ của thầy Phước ca.

Về phía đông bắc, cách cung thành đi chừng 14,15 dặm đến núi Linh thú (Kết lật đà la củ cha), ta quen gọi là núi Kì xà quật. Quả núi ấy nối liền nhau với các núi ở phía Bắc, chỗ rõ cao chỗ hùm xuống, hiu như con chim thúu nên mới gọi là « thúu phong » hay « thúu đà », xuôi nước trong veo, cây rừng sanh biếc. Lúc đức Như lai còn ở đời, phần nhiều hay ở núi ấy thuyết các kinh Pháp hoa, Bát nhã v. v. Ra ngoài cửa bắc sơn thành, đi độ hơn 1 dặm, đến vườn Ca lan đà chúc viên. Hiện nay còn có nhà gạch. Xưa đức Như lai, cũng thường ở đó, chỉ ra các « giới luật ». Ông chủ vườn ấy là Ca lan đà, trước đem vườn ấy thí cho ngoại đạo, sau gặp Phật, được nghe phép mẫu, tiếc rằng không có vườn nữa để cúng Phật. Địa thần biết ý, mới hiện ra các sự tai quái, dọa các ngoại đạo và bảo rằng :

— Trưởng giả muốn đem vườn này cúng Phật, các người phải dọn đi ngay.

Các ngoại đạo sợ phải giận đi. Trường giả vui vẻ làm nhà tinh xá, rồi thân chinh đến đón Phật. Phật nhận cho. Về phía Đông chúc lăm, có một cái tháp, do vua Vj sinh oán (trước dịch là A-xa thế) dựng nên. Sau khi Phật vào Niết bàn, các vua chia nhau « xá lý » Vua Vj sinh oán được 1 phần, đem về xây tháp cùng dâng. Vua Vô ưu phát tâm muốn xây tháp khắp cả các nơi, mới mở tháp ra lấy « xá lý » chia đi các nơi, chỉ lưu lại trong tháp cũ một ít, cứ tối là có bóng hào quang tỏa ra. Về phía Tây nam, cách chúc lăm độ 5, 6 dặm, ở bên sườn núi, lại có một chúc lăm nhỏ, trong có một cái nhà đá tức là chỗ sau khi đức Như lai nhập Niết bàn, ngài Ma ha ca diếp hạ, hợp 999 vị đại A-la-hán để kết tập tạng kinh ở đấy. Đang khi mới kết tập, các hàng thánh chúng đến giữ, đông không kể xiết. Ngài Ca diếp ra lệnh rằng:

— Trong chúng ai đã chứng được đủ cả « tam minh lục thông » (sáu thần thông) ghi nhớ giữ vững được hết thầy kho pháp của đức Như lai không còn lằm lạc một tí nào thì được ở trong chúc lăm, ngoài ra thì tùy ý ở ngoài.

Lúc bấy giờ kén trọn được 999 vị, còn ngài Át nan, vẫn còn ở bậc còn phải học nữa.

Ngài Ca diếp mới bảo rằng :

— Người chưa sạch hết trần duyên, không được làm như cả thánh chúng.

Ngài Át nan hổ thẹn lui ra, tinh tu một đêm, đoạn hết mối duyên trong tam giới, chứng thành A-la-hán, trở lại gọi cửa. Ngài Ca-diếp hỏi :

— Người đã sạch hết trần cấu chưa ?

Ngài Át nan nói :

— Đã.

— Nếu người đã sạch cả rồi thì cứ việc vào, bất tất phải mở cửa nữa.

Ngài Át-nan mới đi qua khe cửa vào lạy sát chân ngài Ca diếp.

(còn nữa)

如來所說示現眾生

吳月支國居士支謙譯

如是我聞，一時佛在舍衛國祇洹精舍，與大比丘眾
五百人俱。爾時世尊時到，著衣持鉢，與阿難俱入城。
乞食。是時城中有大長者子，名須摩提，是人命終，父
母宗親，及諸知識，一時號哭，哀悼躃踊，稱怨大喚，悶
絕于地。或有喚父母兄弟者，或有呼夫主大家者，如
種種號咷啼哭，又有把土而自塗者，又有持刀斷

其髮者，譬如有人毒箭入心，苦惱無量，或有以衣自覆而悲泣者，譬如大風鼓扇林樹，枝柯相振，又如失水之魚，宛轉在地，又如斬截大樹，崩倒狼藉，以如是楚毒而加其身。

不時世尊，知而故問阿難，彼諸大眾，何故哀號悲泣如是，阿難白佛言，世尊，此城中有大長者子，名須摩提，壽盡命終，是人父母兄弟妻子宗族，知識爲恩愛所縛，故如是迷亂，唯願世尊爲度一切故，可往至彼。

NHAN - GIAN PHẬT - GIÁO

PHẬT THUYẾT TU - MA - ĐỀ TRƯỞNG - GIÀ KINH

(Giải-thoát sinh tử)

HÁN

Cư sĩ Chi-Khiêm dịch

* Như thị ngã vân, nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc kỳ hoà tinh xá giữ đại tử khuru chúng ngũ bách nhân câu Nhi thế tôn thời đáo, chước y trì bát, giữ A nan câu nhập thành khát thực. Thị thời thành trung, hữu đại trưởng giả tử, danh Tu ma đề. Thị nhân mệnh chung, phụ mẫu tôn thân, cập chư tri thức, nhất thời hào khóc, ai diệu tịch dưng, xung oán đại hoán, muộn tuyệt vu địa. Hoặc hữu hoán phụ mẫu huynh đệ giả, hoặc hữu hồ phu chủ thái-cô giả, như thử chúng chúng, hào đảo đề khóc, hựu hữu bả thổ nhi tự bộn giả, hựu hữu trì đao đoạn ki phát giả. Thị như hữu nhân, độc tiến nhập tâm, khổ não vô lượng, hoặc hữu gĩ y tự phú nhi bi khắp giả. Thị như đại phong, cổ phiến lâm thụ, chi kha tương chấn; Hựu như thất thủy chi ngư, uyển chuyền tại địa; Hựu như chảm tiết đại thụ, băng đảo lang tạ, gĩ như thị sở độc nhi gia ki bản.

VIỆT

Bản kinh Phật nói cho Tu-ma-đề trưởng-già

THIỆU - CẾU dịch :

Bản kinh Phật nói cho « Tu ma đề trưởng giả » này, chính tôi được nghe một hồi kia, Phật cùng với 500 vị đại tử khuru ở nơi Ki hoán tinh xá thuộc nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đã đến giờ ăn, đức Thế-tôn mặc áo cầm bát, cùng bọn ông A nan vào trong thành xin ăn. Bấy giờ ở trong thành, có một người con ông Đại trưởng-già, tên là Tu ma đề chết. Cha mẹ họ hàng và các người tri thức, đồng thời gào khóc, thương xót vật vã, kêu gào oán trách, ngã lăn xuống đất, bất tỉnh phân

sự, lại nghe đủ các tiếng kêu khóc, có người thì kêu cha kêu mẹ, kêu anh kêu em ; có người kêu ông chồng, có người kêu bà chủ. Lại thấy làm đủ mọi cách khổ thân: có người thì bóc đất tự hắt vào mình, có người cầm dao tự cắt tóc mình, y như con người bị tên độc bắn vào trái tim, khổ não vô cùng. Có người lấy áo phủ kín mà khóc thảm thiết, y như một chận gió to, thổi vào rừng cây, cành cối cùng rung rập vào nhau, lại như con cá lia nước, rẫy rụa trên mặt đất, lại như cây to bị chặt, đổ rạp ngổn ngang.

HÀN

Nhĩ thời Thế-tôn, tri nhĩ cố vấn : A nan ! bĩ chư đại chúng hà cố ai hảo, bĩ khắp như thị ? A-nan bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! thử thành trung hữu đại trưởng-giã tử, danh Tu ma đề, thọ tận mệnh chung, thị nhân phụ mẫu, huynh đệ thế tử, tôn tộc chi thức, vị ân ái sở phọc, cố như thị mê loạn, duy nguyện Thế tôn vị độ nhất thiết cố, khả vãng chí bĩ, chư Phật thế tôn bất dĩ vô thỉnh nhĩ hữu sở thuyết, ngã kim vị bĩ chư nhân, khuyến thỉnh ư Phật Thế tôn dĩ đại từ bi, nguyện vãng chí bĩ.

VIỆT

Lúc bấy giờ đức Thế tôn, đã biết rồi mà vẫn cố ý hỏi rằng : Này A-nan ! những người kia vì có gì mà họ kêu khóc thảm thiết như thế ? Ông A-nan liền bạch Phật rằng : Bạch đức Thế tôn ! Vì ở trong thành này, có một người con ông trưởng-giã, tên là Tu-ma đề, tận số chết mất, cha mẹ anh em, vợ con họ hàng, bè bạn người ấy, bị nổi ân ái nó chối buộc, cho nên mê man rối loạn như thế, xin đức Thế-tôn, vì có độ cho hết thảy, mà đi đến đây cho. Chư Phật thế tôn, không thỉnh không nói, nay con xin vì những người ấy, mà khuyến mời Phật, xin Thế-tôn lấy lòng đại từ bi, nguyện đi đến đây.

(còn nữa)

MỘT VIỆC CẢI CÁCH LỚN ĐÃ THỰC HÀNH
Ở CHI HỘI PHẬT-GIÁO HẢI-DƯƠNG

Việc bỏ vàng mã ngày rằm tháng bảy

Vào hồi trung tuần tháng bảy vừa rồi, nhân việc riêng chúng tôi đi qua tỉnh lỵ Hải dương. Lẽ tất nhiên ai đã tin ngưỡng đạo Phật thì khi đi qua đâu có chi hội Phật giáo hay có danh lam cổ tự phải hỏi đến tận nơi mà thăm học; huống chi Hải dương lại chính là nơi quê riêng của chúng tôi. Hôm ấy vào buổi sáng, đến Hải dương, chúng tôi hỏi thăm về hội quán Phật giáo, thì mọi người đều nói: « á ông hỏi chùa Phật giáo ». Nguyên hội quán chi hội Phật giáo Hải dương mới xin đất công dựng lên ở phố Đông Thuần bên cạnh sân vận động tỉnh ấy, từ hồi tháng Avril năm 1936, nên bảy giờ thành có tên mới này. Mới bước chân vào ngôi chùa Phật giáo này, trông tuy sơ sài, nhưng có vẻ trang nghiêm vô cùng. Ngoài tam bảo, đến giảng đường, rộng rãi to tát có thể chứa được tới năm, sáu trăm thỉnh giả. Hết giảng đường có sây ba cửa, hình như tam quan, ở trên trung quan là gác chuông, trên gác chuông này có kê một cái bàn con và cái ghế do một cửa tò vò đối xứng lên tam bảo. Đây là tọa vị của diên giả khi ngày đại lễ. Giẽ về bên tay phải, nào tầng phòng nào trai xá, nào vườn được, v. v... nhất thiết chỉnh đốn tinh khiết.

Tuy vậy, việc mà chúng tôi gọi là **cải cách lớn đã thực hành ở chi hội Phật giáo Hải dương**, không phải ở những giảng đường, những phòng xá vừa kể qua: việc **cải cách** này thật là thuộc về tinh thần lớn giáo mà đã thực hành được: ấy là việc bỏ vàng mã cùng việc chẵn lễ chúng sinh có vẻ trọng hậu.

Nguyên sau khi thăm hết cảnh chùa Phật tiếp chuyện các giáo hữu tỉnh nhà, chúng tôi ngồi hầu chuyện cụ Tuần phủ trí sĩ Trần văn Đại, cụ là Chánh đại lý chi

hội Hải dương, cụ cố nói chuyện :

« Nay, nhân năm nay nhà nước Bảo hộ đã công nhận ngày rằm tháng bảy, lễ Trung nguyên là ngày công lễ chần tế của nước ta. cho phép các công sở Bắc kỳ, Trung kỳ nghỉ việc buổi chiều hôm ấy, tôi định năm nay lễ Trung nguyên ở Hải dương làm những ba ngày từ 13 cho đến tối hôm rằm. Từ hôm mồng sáu, tôi đã lập hội đồng ban trị sự đề thảo chương trình lễ Trung nguyên phá độ : theo chương trình ấy, các lễ thường thì cũng như mọi năm, không cần nhắc lại, chỉ có việc cải cách bỏ vàng mã la quan thiết lảm. Ngày hôm ấy, tôi đã nói hơo nên thực hành ngay năm nay thì cử tọa ban hội đồng đều ưng thuận ; tối hôm qua, ngày 14, tôi lại diễn thuyết về vấn đề bỏ vàng mã cho công chúng giáo hữu nghe. Tôi xem ra từ tân phái cho đến cựu già, ai ai cũng thực hành ý cải cách của hội đồng chủ yếu là việc bỏ vàng mã, mà thực hành một cách hoan hỉ, giác ngộ, không có ý vì nề hay vì bắt buộc cùng rận rỏi gì cả. Tôi nghiệm ra trong mấy hôm nay, ai đến lễ Phật ở đây cũng thành kính nhất tâm chỉ hương hoa nền sáp, mà thiện nam tín nữ lại dùng hơn mọi năm nhiều. Tôi hôm nay ngày rằm, lên đàn Mông sơn thì thực lời cũng định thực hành cải cách. Theo lệ thường như mấy năm trước, thì đàn Mông sơn này, nào mã nào vàng, nào giấy tiền, nào quần áo giấy, lại còn phải đủ cả quả trái lặt vặt, như : thị, ớt, khoai, ngô, kẹo cháo, bỏng nẻ v. v... cùng lục đạo chúng sinh, song đem phát cho kẻ khó, gọi là bá thí chúng sinh, thói thì chanh dành, cũ cọ nhau, không những các thứ ấy không thể nào no cho kẻ nghèo đói được mà trông thấy lại thương tâm thêm. Việc này tôi cũng định cải cách hết : lễ đàn Mông sơn năm nay chỉ dùng hương hoa và thôi thật nhiều cơm, tôi sẽ cho năm chừng ba bốn trăm năm cơm, mỗi năm chừng một bát gạo, cùng lục đạo chúng sinh song thì mang bố thí cho kẻ khó. Tôi xem chừng ra việc này cũng thực hành được : Các già đi khuyên giáo

về, tôi chỉ thấy có gạo mà thôi. Đến cách bố thí tôi cũng định làm trình trọng cho có nhân đạo. Nhân tiện ông qua chơi, xin lưu lại để coi nốt việc này xem thực hành ra sao ! »

Nề lời cụ Tuần Trần, nên chúng tôi dù bận cũng lưu lại dự lễ. Tối hôm rằm tháng bảy, theo giấy mời của Hội, đúng sáu giờ chiều, quan Công sứ G. Lebel, quan Phó xứ M. Vallat, quan Tổng đốc Lương văn Phúc, quan Thượng tá vũ Đại cùng các quan trong tỉnh đến dự lễ rất đông. Làm lễ xong, cụ Tuần Trần mời các quan đi xem xét đàn lễ và nói qua cách bố thí năm nay, hội cố sắp đặt cho có trật tự cho khỏi khờ người nghèo. Chuyện trò hồi lâu các quan đều ra về, làm tác người khen, tỏ ra vẻ hài lòng về việc cải cách của chi hội Phật giáo Hải dương ta.

7 giờ làm lễ phóng sinh, phóng đăng.

9 giờ lên đàn Mông sơn

11 giờ cấp diệp.

12 giờ bắt đầu bố thí. Cách sắp đặt hội làm rất có trật tự : trước hết chờ gọi hết thầy kẻ khó đứng đợi ở ngoài đường từ chiều, vào cả trong sân chùa, mới ngồi sắp thành bốn năm hàng thật dài. Các người kiểm điểm, đếm từng đầu người chững vào khoảng trên dưới 300, may quá cũng đúng với số năm cơm vira cúng xong trên đàn hạ xuống. Những năm cơm này to bằng quả bưởi nhỏ, trông rất sạch sẽ ngon lành, đựng đầy ở những cái to, sắp lên một cái bàn lớn để ở cổng chùa, các một người đứng dẫn thí, cứ mỗi lượt năm người, đưa tay cho từng người một, mỗi người một nắm cơm lỉnh xong ra hẳn ma về. Buổi chầu cấp này thật là êm đềm, rất có ý nghĩa. Không cần phải lỉnh tràng tuần phiên đàn ợp mà không có một tiếng ồn ào cãi cộ nhau nào.

Khi các việc xong cả, mọi người giải tán, ai ai cũng tỏ ý vui mừng, vui mừng về việc cải cách này cũng

như việc cải cách vàng mã đã thực hành được ở đất thành Đông, tỏ rõ ra Phật giáo giúp ích cho xã hội nhiều lắm. Riêng về phần chúng tôi, tại vừa được nghe lúc nãy, mắt lại được thấy thực hành ngay, ra về sau rồi, trong lòng hoan hỉ, sung sướng mà lại cảm xúc vô cùng, khiến phải nghĩ ngợi : cầu nguyện đức Phật, mong ngài phù hộ cho tất cả mọi nơi từ Mọi Trung ương cho đến các chi hội các nơi, đâu đâu các giáo hữu cũng giác ngộ mà đem thực hành việc cải cách về tinh thần ấy — là việc bỏ vàng mã — thì tiền đờ Phật giáo nước Việt nam nhà không biết đâu mà lường được vậy.

Mãn-Trai

PHẬT-HỌC VÂN-ĐÁP

(tiếp theo)

Hỏi : Trong thân người về phần vật chất và phần tinh thần có những gì ?

— Phần vật chất là tứ đại (四大) : đất, nước, lửa, và gió (địa, thủy, hỏa, phong 地水火風).

A. Phần chất bền chắc, như thịt, da, gân, xương, thuộc về đất. B. Phần chất lỏng ướt, như huyết, nước mắt, nước mũi v. v... thuộc về nước. C. Chất nóng là lửa. D. Chất dung động là gió.

Phần vừa vật chất vừa tinh thần gọi là ngũ-uẩn 五蘊 (chứa chất) hay là ngũ-âm 五陰 (che lấp), bởi vì 5 thứ tích tụ che lấp linh-tính, cho nên gọi là uẩn hay âm. 5 thứ ấy là : Sắc, thu, tưởng, hành, thức (色受想行識).

A. Sắc là nhục-thể, tức là tứ-đại hợp thành đã nói ở trên, gọi là sắc-thân (色身).

B. Đã có cái sắc-thân ấy thì mắt đối với sắc, tai đối với tiếng, mũi với mùi, miệng với thức ăn, thân thể với ấm lạnh, đều có cảm-giác, nhân thể mà có cái thức phân

biệt sự này sự khác. Tóm lại lục-căn chịu lấy lục-trần gọi là thụ.

C. Đã tiếp thụ thì có tư tưởng : người lớn có tư tưởng của người lớn, trẻ con có tư tưởng của trẻ con, người ốm có tư tưởng của người ốm, như thế gọi là tưởng.

D. Đã có tư tưởng thì thân động đặng thân, khẩu động đặng khẩu, ý động đặng ý tạo thành ba nghiệp, không lúc nào gián đoạn, gọi là hành.

E. Các thứ đã nói trên, cái gì cũng hiểu biết, gọi là thức.

Thức lại chia làm bát thức (八識). Các uẩn đều bao hàm trong thức-uẩn, mà thức-uẩn bao hàm trong tâm, chia làm nhãn-thức, nhĩ-thức, tị-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, Mạt-na-thức, A-lại-gia-thức.

Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm thức ăn, mình biết nóng lạnh, thế là ngũ-thức. Đối với ngũ-trần, biết phân biệt, phán đoán, gọi là ý-thức. Phạm những sự xung đột với ý thức, mà sinh ra phiền-não vì tham, sân, si gọi là Mạt-na-thức. Còn A-lại-gia-thức, chữ Nho dịch là « Vô-một 無一 », nghĩa là không bao giờ mất được. Phạm cái hạt giống của chúng-sinh, đều chứa ở trong thức ấy, cho nên lại gọi là « Tạng-thức 藏識 ». Thức này trong lặng như nước, tức là chân-tính, bị lục-thức trên như gió thổi mà cái sóng Mạt-na thức mới sinh ra vậy. Mạt-na-thức cũng vẫn chứa ở trong A-lại-gia-thức, bất sinh bất diệt. nếu không có ngũ thức và ý-thức xung-động, thì cái sóng Mạt-na thức yên lặng, mà A-lại-gia-thức lại sáng suốt trong sạch như cũ. Nhân cái sự xung động mới sinh phiền não, nếu đã biết rõ ngũ uẩn đều giả trá không có, không chấp trước hoàn cảnh thì ba cái độc, tham, sân, si, không sinh ra được, như thế là giác ngộ.

Ấy những phần vật chất và tinh thần trong thân người, trong kinh Phật nói tường tận như vậy.

Phượng sơn Nguyễn-thiện-Chính

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Được xá môn bài

Sáng hôm 29 Août, hơn 20 người đàn bà làm đại-biểu cho đủ các thứ hàng trong chợ Bạch-mai, đến ngồi trước cửa tòa sứ Hà-đông từ giờ đến 11 giờ rưỡi. Họ đệ đơn kêu quan Công-sứ Hà-đông ra lệnh bỏ hẳn thuế môn bài cho các hàng bán trong chợ Bạch-mai.

Tới 11 giờ rưỡi, ông Liêu, thư ký tòa sứ, tuyên bố rằng : « Quan Công-sứ hứa sẽ xá hẳn môn bài cho hàng rau và các hàng lật vật, còn hàng vải và hàng thị thì sẽ giảm cho một nửa môn bài 1\$04 xuống 0\$50 còn hàng gạo sẽ định sau tùy theo số gạo nhiều ít ». Tuy vậy đến 2 giờ chiều, bọn người này lại tụ họp ở cửa tòa sứ đề yêu cầu quan Công-sứ dùng truy tố 7 người bị bắt trước và xá cả môn bài hàng gạo và thị. Quan Công-sứ đi vắng, mọi người còn đề đơn lại.

Kỳ thi tuyển học sinh vào trường cô đỡ Hanoi

Hồi 8 giờ sáng ngày 26-9-38 nay, tại Hanoi sẽ mở một kỳ thi để tuyển các nữ học-sinh vào học nam thư nhất trường cô đỡ. Đơn xin dự thi phải gửi tới văn-phòng trường thuộc Hanoi từ ngày 5 đến 15 9 là hết hạn.

Ngày khai giảng của hội Truyền bá học Quốc ngữ

Sau khi được thành lập, hội Truyền-bá học Quốc-ngữ đã cần cấp lo việc dạy học. Hội định đến ngày 9-9-38 (tức là ngày 16 tháng 7 nhuận ta) mở lớp dạy Quốc ngữ tại hội-quán hội Tri-Tri 59 phố hàng quạt Hanoi.

Giờ học sẽ định từ 7 giờ 30 tối, trừ tối chủ nhật và tối các ngày lễ. Không lớp nào lấy tiền cả.

Hội còn phát giấy bút và các đồ phụ tùng khác cần về việc học. Hạn biên tên bắt đầu từ 3 Septembre đến 7 Septembre là hết. Ai muốn xin học, xin lại hội Trí-tri biên tên từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 30 tối.

Nay mai phái bộ đi dân sẽ đáp tàu sang Phi châu

Trước nạn nhân-mãn ở Đông-dương, thứ nhất các miền Trung-châu xứ Bắc-kỳ, chính-phủ trừ tính phương pháp làm cho nạn ấy ngày một giảm bớt, vì vậy Tổng trưởng Mandel đồng ý với quan Toàn-quyền, cử một phái-bộ ở Đông sang Phi-châu nghiên-cứu việc di dân sang bên ấy khai khẩn và làm ăn.

Phái-bộ gồm có ông Guiriec, nguyên lao-công giám-đốc Bắc kỳ và bác-sĩ Trần-văn-Lai. Nhân viên phái-bộ sẽ đi thăm mấy nơi như Madagascar, côte d'Ivoire xem xét tình hình di dân thế nào cho tiện lợi, rồi sẽ làm tờ trình lên Chính-phủ trừ liệu phương pháp thi hành.

Một vụ cướp quái lạ ở Faifo

Tối hôm 26 Aout, tại làng Hóa đông tức Quảng hóa, huyện Đại-lộc, tỉnh Quảng-nam, xảy ra một vụ cướp rất ghê gớm. Nguyên nhân như sau này: Ông Nguyễn Liệu 47 tuổi, tỉnh hạt hội-viên, là một nhà đại phú ở tỉnh Quảng-uam. Ông thâu sinh ra ông là Cụ Nguyễn Yên 70 tuổi, ở ngôi nhà tây kê nhà ngang. Lúc bọn cướp số vào nhà thì cụ đang hút thuốc phiện, các con thì ở nhà tây thứ hai. Bọn cướp trói cụ Yên và tra khảo. Chúng dùng súng bắn nhiều người. Ông bị đạn chọt chết ngay, còn cậu Eang con ông thì bị thương khá nặng. Cụ Yên cũng bị chúng đâm một nhát dao trúng bả vai. Thấy vỡ chuyện, bọn cướp liền tàu thoát.

Chúng chỉ lấy được ngót một trăm giấy bạc một đồng và một chiếc nhẫn vàng của cụ Yên đeo ở tay

thời. Hiện nay bắt được bốn tên cướp là : Nguyễn-Huỳnh, Nguyễn-quang-Hồ tức Ba-Hồ, Nguyễn Tuấn tức Diêu và Phan-Lượng đã bị bắt.

Tên Phan-Lượng tương cướp khai ba hoa rằng : « Bản được lệnh Cường-đề bên Nhật truyền về bảo lập chi nhánh đảng cách-mệnh ở Tourane. Về tài chính, bản chủ-trương, nên phải đi làm tiền ! Nhân thấy ông Yên một nhà hào phú, và đã trở nên giàu có một cách không chính đáng, nên chúng đến đề quyền tiền và trưng trị ».

Cô Lịch với con ngựa sắt đã từ Sài thành vượt qua đèo Ai-vân tới Hanoi

Bực vì thấy các báo thường diều cọt chị em bạn gái chỉ cứ quan quân ở số nhà. Nên cô Hồ-thị-Lịch đã đẹp sự khinh miệt ấy bằng cuộc hành trình xe đạp từ Saigon ra Hanoi, 22 ngày dòng dã, dầu dãi nắng mưa, cô đã vượt 1749 cây số và đã tới Hanoi ngày 5-9-38.

Suốt dọc đường cô Lịch đã được các bạn thể-thao nhất là nữ-giới hoan nghênh nhiệt liệt.

Thật là cô Lịch đã phá một cái thành-kiến cho chị em là phái yếu.

Quan Toàn-quyền Brévié đã từ Đà-lạt về Hanoi

Vì những việc xảy ra tại Âu-châu trong một tuần lễ nay, có quan hệ đến nền hòa-bình thế-giới. Quan Toàn-quyền dù đang nghỉ mát tại Dalat cũng đã cùng văn-phòng trở về Hanoi, tới 7-9 hồi 7 giờ Ngái tới nơi.

(Tin Việt-báo)

TIN THẾ-GIỚI

Hoa-kỳ tuyên bố sẽ tuyệt giao với Mễ-tây cơ

Theo như phóng viên báo Dailly Télégraph ở Mexico báo tin rằng : Chính-giới Mễ-lây-cơ ngờ rằng có lẽ Hoa-

kỳ sẽ tuyệt giao với Mỹ bởi việc Tổng-Thống Mỹ là Cardenas đã trục-xuất các nhà người ngoại quốc có mỏ dầu ở Mỹ. Ông Cardenas lại tuyên-bố trước nghị-viện, giữ nguyên chính-sách của ông về việc mỏ dầu.

Nội-loạn Tây-ban-nha

Việc nội loạn Tây-ban-nha dạo này vừa thấy im sùng đạn, thì tin phi-cơ của Tây-ban-nha phát-xít bay trên đất Pháp lại phát ra :

Perpignau 5 Septembre — 5 chiếc phi-cơ của phái Tây-ban-nha phát-xít bay trên tỉnh Cerbère của Pháp. Nhưng phải chạy trốn trước làn đạn của đoàn súng cao-xạ.

Ông De Madariaga khuyên tướng Franco nên hòa

Londres 3 Septembre. Trong báo Times ông De Madariaga nguyên đại-sứ Tây-ban-nha ở Pháp đã viết một bài hồ hạo tướng Franco nên « bắt-tay hòa-bình ».

Cuộc bãi trừ dân Do-thái ở Ý

Rome 5 Septembre — Từ nay trở đi, không một người Do-thái ngoại quốc nào được vào ở trên đất Ý nữa. Dầu người Do-thái đã cải theo đạo Thiên-chúa cũng coi như là dân Do-thái. Các người Do-thái dù có chân trong các Hàn-lâm-viện, các học-đường, các hội Khoa-học, Văn-chương hay Mỹ-thuật, kể từ ngày 1er Octobre đều phải cắt chức. Theo lời đề-nghị của Tổng trưởng bộ Quốc-gia giáo-dục hội-đồng nội-các đã chuẩn-nhiều đạo luật mục đích là « giữ cho được thuần nòi giống Ý tại các trường phát xít ».

Tình-hình Trung-Âu

Ý kiến các nước đối với cuộc

tập-trận khổng-lồ của Đức

Londres 1er Septembre (tin của Mỹ)

Có tin rằng ở Paris, Berlin, Prague, Rome và Vasovie

(Ba-lan), nơi nào cũng quyết-dịnh tránh chiến-tranh. Lại có tin rằng vì thái-độ cương-quyết của Anh và vì việc thành-lập một chiến-tuyến hợp nhất của các nước dân chủ, tình-hình Tiệp khắc đã bớt găng.

Vô tuyến-điện — Pháp, Mỹ, Đức đều nói tình hình Âu-châu sẽ bớt găng. Ông Kourad Henlin đã sang Đức để hỏi ý-kiến ông Hitler. Các ông hội-kiến luôn luôn nối tiếp nhau hoặc ở Berlin, Londres, Prague, Rome. Các nước Pháp, Anh Đức, Tiệp, Ba. đều muốn tránh chiến-tranh. Nhưng mặc dầu Đức vẫn giữ dưới cờ quân-sĩ đã mãn lính.

Hoa kỳ sẽ can thiệp nếu có chiến tranh ở Âu châu

Washington 3 Septembre. — Tổng-thống Roosevelt đã nhất định không dời kinh-thành Hoa-thịnh-đốn đi xa để tức-tức triệu-tập ngay Đại-hội-Nghị quốc gia, một khi chiến tranh ở Âu châu nhóm lên.

Dư luận Nga đối vấn đề Tiệp-khắc

Moscou 2 Septembre. — Bản đề-nghị mà thủ tướng Tiệp Hodza đã thảo đồng ý với ông Runciman không được Mạc-tư khoa hoan-nghehnh, vì chia Tiệp khắc thành từng khu vực theo như Thụy-sĩ, chương trình đó sẽ làm yếu thế-lực của Tiệp trên trường ngoại-giao, và Tiệp thành một xứ bảo hộ của Đức.

Pháp đề phòng

Paris 5 Septembre — Vì thấy tình-thế quốc tế, vì thấy Đức đã quyết tăng quân sĩ và chiến cu ở biên thùy phía đông bắc Pháp, cho nên chính phủ Pháp đã thi hành những phương pháp đề phòng : « gọi thêm quân trừ bị để cho số canh phòng chiến lũy được đầy đủ, các võ quan và binh lính đang nghỉ phép đã được lệnh trở lại ngũ

Hội nghị Nurmberg

Cuộc tập trận không lồ của Đức đang diễn hôm 5 Septembre tại tỉnh Nuremberg, Đức đã mở một cuộc đại hội

ngợi gọi là « Hội nghị của Đại Đức » do chương trình Anselhuss sáp nhập Áo độ trước đã tạo thành ! » Tất cả có tới 600.000 đại biểu dự, có cả đại biểu của ông Mussolini và ông Franco đều có mặt. Vấn đề thứ nhất đem bàn là vấn đề Liên-Đức tức là đem những người và đất của Đức ở Tiệp về Đức ; vấn đề thứ hai là vấn đề bài cộng và bài Do thái.

Việc Á Đông

Tình hình Nga Nhật

Mạc-tu-khoa 1er Septembre. — Trong một bầu không khí thân-ái, Đại-sư Nhật đã hội kiến với ông Litvinoff lâu hàng hai tiếng đồng hồ. Và hôm 25 Août, viên bí-thư thứ nhất tại tòa Đại sứ Nhật ở Nga là M akawa, cùng với viên trưởng phòng coi về công việc của Nhật ở bộ ngoại giao Nga là Tsarapukina, đã đàm phán và đồng ý với nhau về hết thảy mọi điều. Lại hôm 2-9, ông Litvinoff ngoại giao tổng trưởng Nga với ông Trùng-quang-Quy (Shigemitsu) Đại-sứ Nhật tại Nga lại hội-kiến.

Bởi vậy, người ta chỉ còn đợi 2 ông này đồng ý với nhau về mọi khoản nữa, thì trong mấy hôm nữa có thể lập được ủy ban chia định địa-giới.

Tình hình Trung Nhật

Chính-phủ Trung-hoa đã vay được của Anh một triệu đồng livres Sterling (tiền Anh, bằng ngót 20 triệu đồng bạc Đông-dương) lấy thuế điện-thoại ở miền Hoa-nam làm đảm bảo.

Đông-kịch 1er Septembre. — Theo tin ở Bắc-binh thì quân Nhật đã đánh tan quân Tàu ở phía bắc Hà-nam và khuyến dân các nước dời khỏi những khu sắp đánh nhau. Trong mấy hôm ấy, máy bay Nhật, bay trên khu phía tây đường xe lửa Lũng-hải và khu phía nam đường xe lửa Bắc-binh Liên-khẩu cùng trong tỉnh Sơn-tây.

giải truyền đơa khuyên dân ngoại quốc ở các khu đó tìm nơi trốn tránh trước

Hán-khẩu 2 Septembre. — Tàu thông báo rằng quân Tàu đã đánh cho 2 sư-đoàn quân Nhật bị đại bại ở phía Tây nam Thụy-xương về nam ngạn sông Dương-tử.

Đông-kinh 2 Septembre. — Phi cơ Nhật lại đến đánh miền Hà-trung và Hoa-nam. Trên đường Quảng-đông, Hán khẩu nhiều ga bị ném bom. Thành phố Ngô-châu thuộc tỉnh Quảng-tây, cũng bị ném bom lần nữa.

Đông-kinh 2 Septembre. — Những kho tàng của nhà binh ở Tiên-tân, lúc 2 giờ sáng 2 Septembre đã bị lửa thiêu. Ngọn lửa cháy trong 8 tiếng đồng hồ mới tắt. Nghe đâu người ta ngờ là một thủ đoạn của phái khủng bố gây nên.

Hưng-cảng 4 Septembre. — Nhật định phong tỏa cách tô-giới Anh và Pháp ở Thiên-tân. Nhật đã bắt đầu từ 1er Septembre hạ lệnh cho kiều dân Nhật trong 2 tuần lễ phải rút ra khỏi tô-giới của Anh và của Pháp.

Lạc-dương 3 Septembre. — Tình hình ở Đông-quan đã hòa hoãn. Quân Nhật mới chiếm được Phong-lãng độ, bị quân Tàu tiến đánh dữ quá, thành ra toàn bộ quân Nhật phải rút lui lên phía bắc. Phong-lãng-độ lại trở về tay quân Tàu.

Hưng-cảng 5 Septembre. — Một hội phòng thủ nước Tàu do Tổng-tử-Văn và Tổng-khánh-Linh đứng đầu, đã lập ra ở Hưng-cảng. Hội này có mục-đích là tiếp-súc với các nước dân chủ để giúp đỡ cho Tàu về mặt thuốc men và các mặt khác.

Đông-kinh 5 Septembre. — Cả thủy lục và không quân Nhật đồng thời tiến-công đã vây thành hình bán nguyệt ở chung quanh Hán-khẩu.



Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên láng giới ngày 19 Octobre và biên bản hội đồng Quán trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị hội viên chi hội Từ-Sơn (tiếp theo) đã cùng góp lên báo chương để các Thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Những người cúng O\$50 : Tru văn Tựu, Vũ văn Tu, Nguyễn thị Thông, Nguyễn thị Ngọc, Nguyễn như Quất, Nguyễn đức Thông, Lê văn Chính, Phạm thị Nghiến.

Những người cúng O 25 : Nguyễn thị Năm, Nguyễn thị Hiền, Nguyễn thị Diễm, Nguyễn thị Thỉnh, Nguyễn thị Bình, Nguyễn thị Hiền, Nguyễn thị Điều, Nguyễn thị An.

Ba người cúng chung 1.00 : Hoàng nghĩa Thức, Hoàng nghĩa Cầu, Hoàng nghĩa Thi.

Chi hội Hà - Luạn

Phạm văn Mai, Đỗ văn Tuất, Hoàng thị Thiềm, Trần văn Bích, Trần văn Văn, Lê thị Rãn, Đinh thị Sùn, Trần thị Chua, Đinh thị Nghèo, Đinh văn Cơ, Phạm văn Tảo, Nguyễn viết Nhân, Phạm văn Phú, Phạm thị Sinh, Đinh thị Tri, Hoàng văn Đò, Bùi văn Quyển, Bùi văn Trư, Bùi văn Thước, Hoàng thị Lộc, Nguyễn huy Sứy, Phạm thị Chiêm, Nguyễn viết Sưởng, Nguyễn thị Phan, Trần văn Viên, Nguyễn văn Tiệp, Trần văn Rũu, Trần văn Thẩm, Đỗ thị Gừng và Đỗ thị Nhân, Đỗ thị Trần và Trần thị Hiền, Đỗ hữu Giai, Nguyễn bá Giáp, Nguyễn thanh Chí, Bùi văn Túy, Bùi cửu Quy, Vũ văn Ngử, Phạm văn Nghiêm, Tư thông Tué.

Tặng giới chi tỉnh Phú-thọ

Tư Thanh Đô, Tư thanh Xuân, Đàm Thục, Đàm Tương, Thanh Lan, Đàm Tiệp, Thanh Sự, Đàm Liên, Đàm Lịch, Thanh Dương, Thanh Nghi, Đàm Qui, Đàm Thuận, Đàm Cát, Đàm Như, Thanh Lạc, Đàm Tịch, Thanh Hợp, Thanh Ngán, Thanh Hoan, Đàm Thi, Đàm Cơ, Đàm Thôn, Thanh Niệm, Thanh Mich.

Chi hội Thái bình

Các ngài : Cụ Thượng bà Phạm văn Thụ, Cụ Tu trưởng, Nguyễn hữu Thụ, Nguyễn du Niob, Triob văn Trám, Phạm văn Nam, Nguyễn minh Châu, Đỗ văn Tùng, Nguyễn văn Đang, bà Trần huy Ngọc, bà Bùi Lương, Hà cầm Ký, Hoàng ngọc Quế, Dư đình Hào, Lê ngọc Chính, Kỳ Hoàn, bà Phó Trác, bà Nghi Cương, ông Đài, Giáo Tùng, bà Nguyễn thộc Quỳnh, Lư thị Huệ, Ngô nguyên Thành, Lư trí Phu cụ Đội sáng, Đào thiện Luận, Nguyễn trí Phú, bà Nguyễn trí Phú bà Đào thiện Luận, bà Lã quý Châu, Đào thiện Phong, Phạm văn Nhữ Hạo Hương, Trần huy Thượng, Đào thiện Nhạ, Bùi Lương, Nguyễn thò: Quỳnh, Phạm văn Bình, Vũ ngọc Trương, Đức Hợp, Ngô thế Xương, Tư Nhu, Bùi đức Triệu, Hà ngọc Huyền, M. Hiệp, Hạng đình Nga, bà cụ Quán Chiếu.

Chi hội Hà nam

Các ngài : Lê đức Huệ, Hoàng văn Trị, Chu công Điền, Đoàn thị Niêm, Nguyễn đình Cát, Tống công Hối, Nguyễn đình Lực, Đình văn Kiêu, Trần bá Tín, Trần thế Nhuận, Trần xuân Sinh, Trần trí Phương, Trần đình Tịch, Trần bà Chuyền, Trần bà Thấn, Đỗ đình Truy, Lê văn Cảnh, Nguyễn thị Hợi, Nguyễn đình Mộc, Nguyễn duy Doãn, Trương thị Lý, Trương ngọc Minh, Nguyễn thái Khang, Nguyễn quang Phúc, Nguyễn đình Ngung, Đoàn hữu Lập, Lê văn Trụ, Nguyễn thị Tứ, Nguyễn đình Khôi, Nguyễn văn Ái, Nguyễn doãn Kiên, Ngô mạnh Liêm, Nguyễn hữu Thăng, Tống công Tá, Mai xuân Ân, Tống đức Mẫn, Phạm thị Nén, Vũ văn Chí, Tỉ khiêu ni đàm An, Lê thị Hiền, Lại thị Chín, Lại văn Hành, Nguyễn như Loan, Nguyễn Quý, Đỗ dương Lâm, Lê khắc Tiếp, Nguyễn khắc Minh, Phạm văn Chung, Nguyễn văn Mẫn, Nguyễn thị Bá, Trần văn Đình, Lê thị Thư, Lê thị Miên, Lê thị Cư, Hoàng thị Chấn, Nguyễn đình Vỹ.
(còn nữa)

GIẤY NƠI

Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật-giáo, Thái-Hà-ấp : Số 836
Nhà in Đước-tuệ, chợ Quán-Sứ 33, Lechaud Hanoi : Số 832

Imp. ĐƯỚC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH